ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3113 /UBND-TH	*Đắk Lắk, ngày 19 tháng 4 năm 2018*
V/v tham gia ý kiến dự thảo và Nghị định của Chính phủ	

HỎA TỐC

Kính gửi: Sở Nội vụ

Thực hiện Công văn số 1544/BNV-TL ngày 13/4/2018 của Bộ Nội vụ về việc lấy ý kiến vào dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện (có sao gửi Công văn và dự thảo kèm theo); UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh có ý kiến về các dự thảo của Chính phủ và một số nội dung dung nêu tại Công văn số 1544/BNV-TL ngày 13/4/2018 của Bộ Nội vụ.

Nhận được Công văn này, Sở Nội vụ triển khai thực hiện, báo cáo UBND tỉnh chậm nhất trong ngày 23/4/2018 để xem xét, báo cáo Bộ Nội vụ đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Phòng HCTC (QC45a);
- Lưu: VT, TH (HT-06b).

TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG

Bùi Hồng Quý

BỘ NỘI VỤ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1544/BNV-TCBC	*Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2018*
V/v lấy ý kiến vào dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện	

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỐ: 3261
ĐẾN 18-04-2018
Chuyển:

Kính gửi:
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ giao, Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành, địa phương xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 và dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện. Nội dung các dự thảo Nghị định đã được Bộ Tư pháp thẩm định và Bộ Nội vụ đã trình Chính phủ tại Tờ trình số 2090/TTr-BNV ngày 19/4/2017 và Tờ trình số 2136/TTr-BNV ngày 20/4/2017.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 4749/VPCP-TCCV ngày 11/5/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc đồng ý ban hành các Nghị định nêu trên sau Hội nghị Trung ương 6 khóa XII; theo đó, thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Bộ Nội vụ đã rà soát, hoàn thiện bổ sung một số nội dung quy định tại 02 dự thảo Nghị định của Chính phủ như sau: Khung số lượng tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; tiêu chí thành lập cơ quan chuyên môn đặc thù, chuyên ngành; tiêu chí thành lập tổ chức bên trong sở và chi cục thuộc sở; số lượng biên chế tối thiểu để thành lập, xác định lãnh đạo cấp phó của tổ chức bên trong sở, chi cục thuộc sở và của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; số lượng lãnh đạo cấp phó tối đa của sở, tổ chức bên trong của sở, chi cục thuộc sở và của phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Để có cơ sở hoàn thiện dự thảo Nghị định, đề nghị Quý cơ quan có ý kiến đối với các văn bản sau:

1. Dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương.

Văn bản góp ý của Quý cơ quan xin gửi về Bộ Nội vụ (đồng thời gửi file văn bản vào hộp thư: lethikimoanh69@moha.gov.vn) trước ngày 25/4/2018 để tổng hợp, tiếp thu và hoàn chỉnh dự thảo Nghị định, trình Chính phủ theo quy định (dự thảo 02 Tờ trình và Nghị định nêu trên được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ, địa chỉ: moha.gov.vn - Mục: Lấy ý kiến nhân dân dự thảo văn bản quy phạm pháp luật).

Xin trân trọng cảm ơn Quý cơ quan./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Duy Thăng;
- Lưu: VT, TCBC (03b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Duy Thăng

BỘ NỘI VỤ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: /TTr-BNV	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Dự thảo ngày 09/4/2018	*Hà Nội, ngày tháng năm 2018*

TỜ TRÌNH

Về việc hoàn thiện Nghị định của Chính phủ quy định tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao, Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định). Sau khi tiếp thu, tổng hợp ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ đã có Tờ trình số 2136/TTr-BNV ngày 20/4/2017 trình Chính phủ dự thảo Nghị định nêu trên (sau đây gọi tắt là Tờ trình số 2136/TTr-BNV).

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 18-NQ/TW); Kế hoạch số 07-KH/TW ngày 27/11/2017 của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII (sau đây viết tắt là Kế hoạch số 07-KH/TW) và Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 56/2017/QH14), Bộ Nội vụ đã hoàn thiện dự thảo Nghị định, trình Chính phủ như sau:

I. QUAN ĐIỂM HOÀN THIỆN DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Thể chế hóa các chủ trương của Đảng và cụ thể hóa các quy định của Quốc hội về tổ chức bộ máy nhà nước, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, thống nhất trong quá trình thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn trong việc tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương.

2. Kế thừa những quy định hợp lý về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trên cơ sở đó, quy định khung số lượng các cơ quan chuyên môn, quy định rõ tiêu chí thành lập đối với các cơ quan chuyên môn đặc thù; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan chuyên môn, bảo đảm sự thống nhất trong phân công quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực của các Bộ, cơ quan ngang Bộ ở Trung ương và đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền, không nhất thiết ở Trung ương có Bộ, cơ quan ngang Bộ thì cấp tỉnh có sở tương ứng.

3. Quy định khung việc hợp nhất, sáp nhập hoặc không thành lập đối với một số cơ quan chuyên môn để thực hiện tinh gọn bộ máy, làm cơ sở cho địa phương trong việc quyết định hợp nhất, sáp nhập, thành lập hoặc không thành lập một số cơ quan chuyên môn, bảo đảm phù hợp với đặc thù và yêu cầu quản lý nhà nước của từng địa phương.

4. Quy định rõ các tiêu chí thành lập các tổ chức bên trong sở, tạo cơ sở pháp lý cho các địa phương quyết định cụ thể, bảo đảm phù hợp với phạm vi, đối tượng quản lý và quy mô, tính chất hoạt động, yêu cầu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực theo phân công, phân cấp, ủy quyền trên địa bàn tỉnh.

5. Quy định rõ khung số lượng Phó Giám đốc, khung số lượng cấp phó của các tổ chức thuộc sở, giao cho địa phương quyết định cụ thể đối với từng sở, bảo đảm phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương.

II. KẾT CẤU CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định có 04 Chương với 18 Điều (nhiều hơn 03 Điều so với Nghị định số 24/2014/NĐ-CP), cụ thể như sau:

- Chương I. Những quy định chung, bao gồm 07 Điều (từ Điều 1 đến Điều 7), trong đó xác định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; nguyên tắc tổ chức và hoạt động; vị trí và chức năng; nhiệm vụ và quyền hạn; cơ cấu tổ chức; người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu; chế độ làm việc của cơ quan chuyên môn và người đứng đầu.

- Chương II. Quy định về danh mục và tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bao gồm 05 Điều (từ Điều 8 đến Điều 12); trên cơ sở danh mục 21 sở tại Điều 8 (kế thừa quy định tại Nghị định số 24/2014/NĐ-CP), dự thảo Nghị định quy định các sở được tổ chức thống nhất, thực hiện hợp nhất (thí điểm hợp nhất), sáp nhập và thành lập theo tiêu chí (Điều 9); quy định khung số lượng sở và việc hợp nhất, sáp nhập các sở để tinh gọn tổ chức bộ máy, điều chuyển chức năng giữa các sở khác với quy định tại Nghị định (Điều 10); quy định đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở (Điều 11).

- Chương III. Quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bao gồm 04 Điều (từ Điều 12 đến Điều 15).

- Chương IV. Điều khoản thi hành, bao gồm 02 Điều (Điều 16, Điều 17), quy định hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện; trách nhiệm thi hành.

III. NHỮNG NỘI DUNG MỚI CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT SỐ 18-NQ/TW

1. Về danh mục các sở (Điều 8)

Trên cơ sở kế thừa tên gọi, chức năng của 21 sở được quy định tại Nghị định 24/2014/NĐ-CP, dự thảo Nghị định quy định danh mục về tên gọi và chức năng của 21 sở (có điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với phân công của Chính

phủ về chức năng quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực của các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong nhiệm kỳ 2016-2021), làm căn cứ cho việc xác định các sở được giữ ổn định, tổ chức thống nhất tại các địa phương và các sở giao cho địa phương quyết định việc giữ ổn định hoặc hợp nhất (thí điểm hợp nhất), sáp nhập, thành lập hoặc không thành lập (kể cả khi đáp ứng đủ tiêu chí thành lập), bảo đảm tinh gọn bộ máy theo yêu cầu của Nghị quyết 18-NQ/TW.

2. Về tổ chức các sở (Điều 9, Điều 10, Điều 11)

Nghị quyết số 18-NQ/TW, Kế hoạch số 07-KH/TW và Nghị quyết số 56/2017/QH14 đặt ra yêu cầu xác định tiêu chí thành lập đối với một tổ chức ở địa phương, đồng thời quy định khung cơ quan chuyên môn thuộc Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện. Căn cứ quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các nhiệm vụ chung về phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật; theo đó, cần có cơ quan chuyên môn để tham mưu, giúp Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực. Riêng một số lĩnh vực có tính chất đặc thù, chuyên ngành có yêu cầu quản lý phù hợp với đặc điểm của địa phương như: Dân tộc, ngoại vụ, du lịch cần có tiêu chí để xem xét quyết định thành lập cơ quan chuyên môn cho phù hợp. Vì vậy, trên cơ sở xác định danh mục các sở tại Điều 8 nêu trên, Bộ Nội vụ đề xuất phương án sắp xếp, kiện toàn các sở hiện có và xác định tiêu chí thành lập đối với các cơ quan chuyên môn đặc thù, chuyên ngành, cụ thể như sau:

Theo danh mục các sở được quy định tại Điều 8 dự thảo Nghị định, tổ chức các sở được sắp xếp, hoàn thiện theo hướng tinh gọn như sau:

a) Đối với 17 sở đang tổ chức thống nhất trong cả nước hiện nay (theo quy định tại Nghị định 24/2014/NĐ-CP), được chia thành 03 nhóm sau:

- Nhóm 1 (Khoản 1 Điều 9): Các sở được tổ chức thống nhất trên phạm vi cả nước, nhằm bảo đảm giữ ổn định và phát huy hiệu quả của mô hình tổ chức sở quản lý đa ngành, đa lĩnh vực hoặc sở tham mưu quản lý chuyên ngành chuyên sâu có tính ổn định cao, gồm 04 sở: Tư pháp; Tài nguyên và Môi trường; Lao động - Thương binh và Xã hội; Y tế.

- Nhóm 2 (Khoản 2 Điều 9): Các sở được quy định theo hướng giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định giữ ổn định hoặc hợp nhất (kèm theo điều chỉnh về tên gọi, chức năng), gồm 10 sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Giao thông vận tải; Xây dựng; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công Thương; Giáo dục và Đào tạo; Khoa học và Công nghệ; Văn hóa, Thể thao và Du lịch (hoặc Văn hóa, Thể thao); Thông tin và Truyền thông.

- Nhóm 3 (Khoản 5 Điều 9): Các sở giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định giữ ổn định hoặc thực hiện thí điểm hợp nhất theo Nghị quyết 18-NQ/TW và Nghị quyết số 56/2017/QH14,

gồm: Sở Nội vụ (thí điểm hợp nhất với Ban Tổ chức); Thanh tra tỉnh (thí điểm hợp nhất với Ủy ban Kiểm tra); Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (thí điểm hợp nhất với Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh).

b) Đối với 04 sở đặc thù, chuyên ngành, không được tổ chức thống nhất giữa các địa phương (Khoản 3, Khoản 4 Điều 9), gồm: Sở Quy hoạch – Kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh và 03 sở do Chính phủ quy định tiêu chí thành lập (Ban Dân tộc, Sở Ngoại vụ, Sở Du lịch) giao Ủy ban nhân nhân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định giữ ổn định hoặc sáp nhập; thành lập hoặc không thành lập (kể cả khi đáp ứng đủ các tiêu chí thành lập).

Trên cơ sở phân nhóm các sở, dự thảo Nghị định quy định theo hướng giao cho địa phương quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bên trong của từng sở, bảo đảm phù hợp với quy định khung của Chính phủ, quy định của Thủ tướng Chính phủ (trong trường hợp hợp nhất, sáp nhập các sở, điều chỉnh chức năng giữa các sở khác với quy định tại Nghị định), hướng dẫn của Bộ quản lý ngành về nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực ở địa phương (các Bộ không hướng dẫn về cơ cấu tổ chức của sở). Đối với các sở thực hiện thí điểm hợp nhất thì thực hiện chức năng theo quy định của Đảng và của pháp luật

c) Cơ sở của việc sắp xếp các sở

- Cơ sở của việc quy định 04 sở được tổ chức thống nhất tại Khoản 1 Điều 9 dự thảo Nghị định là nhằm bảo đảm tính kế thừa, ổn định đối với các sở đã được sắp xếp, tổ chức theo mô hình tổ chức sở quản lý đa ngành, đa lĩnh vực và các sở có chuyên ngành chuyên sâu được quy định và đang thực hiện tại Nghị định số 24/2014/NĐ-CP.

- Cơ sở của việc hợp nhất các sở được quy định tại Khoản 2 Điều 9:

+ Hợp nhất Sở Kế hoạch và Đầu tư với Sở Tài chính (Điểm a), vì: Chức năng, nhiệm vụ của 02 sở có mối quan hệ liên thông với nhau, việc hợp nhất 02 sở sẽ tạo điều kiện cho việc tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước trong lĩnh vực kế hoạch, đầu tư, tài chính, ngân sách và một số lĩnh vực liên quan được hiệu quả hơn, bảo đảm việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của địa phương được gắn với khả năng cân đối nguồn lực về tài chính, ngân sách, hạn chế tối đa sự giao thoa về nhiệm vụ giữa 02 sở này kéo dài qua nhiều nhiệm kỳ Chính phủ. Trong trường hợp hợp nhất các sở này thì có tên gọi là Sở Tài chính – Kế hoạch.

+ Hợp nhất Sở Giao thông vận tải với Sở Xây dựng (Điểm b), vì: Việc hình thành và phát triển các không gian đô thị hiện đại không thể tách rời giữa quy hoạch xây dựng đô thị với quy hoạch hạ tầng giao thông, nhất là khi Chính phủ đang chỉ đạo đẩy mạnh triển khai các dự án theo các hình thức đầu tư công – tư (BTO, BOT, BT, PPP...) luôn đòi hỏi có sự gắn kết giữa quy hoạch phát triển

giao thông với đô thị. Vì vậy, việc hình thành một cơ quan quản lý thống nhất hai lĩnh vực này sẽ bảo đảm nâng cao tính hiệu quả, khắc phục những bất cập, chồng chéo, thiếu đồng bộ trong quản lý hạ tầng đô thị (xây dựng nhà, cấp, thoát nước đô thị thuộc ngành xây dựng) và hạ tầng giao thông (xây dựng đường thuộc ngành giao thông). Trong trường hợp hợp nhất các sở này thì có tên gọi là Sở Giao thông vận tải – Xây dựng.

+ Hợp nhất Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với Sở Công Thương (Điểm c), vì: Tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, qua quá trình đô thị hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng về công nghiệp và dịch vụ thì yêu cầu quản lý nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn so với các ngành, lĩnh vực khác là không lớn, nên không cần thiết thành lập 01 Sở chuyên trách tham mưu về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn. Trong trường hợp hợp nhất các sở này thì có tên gọi là Sở Công nghiệp, Nông nghiệp và Thương mại.

+ Hợp nhất Sở Thông tin và Truyền thông (Điểm d) với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (hoặc Sở Văn hóa, Thể thao) vì: Qua thực tiễn thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực ở địa phương cho thấy, tại một số tỉnh có địa bàn nhỏ, dân số ít thì yêu cầu quản lý nhà nước về: Báo chí; xuất bản, in và phát hành; bưu chính; viễn thông; tần số vô tuyến điện; công nghệ thông tin; điện tử; phát thanh và truyền hình; thông tin điện tử; thông tin đối ngoại; bản tin thông tấn; thông tin cơ sở; hạ tầng thông tin truyền thông; quảng cáo trên báo chí, trên môi trường mạng, trên xuất bản phẩm và quảng cáo tích hợp trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin không lớn, nên không cần thiết duy trì 01 Sở tham mưu chuyên trách về các lĩnh vực nêu trên. Trong trường hợp hợp nhất các sở này thì có tên gọi là Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa, Thông tin và Thể thao.

+ Hợp nhất Sở Khoa học và Công nghệ với Sở Giáo dục và Đào tạo (Điểm đ), vì: Lĩnh vực khoa học và công nghệ có liên quan mật thiết với việc nghiên cứu và ứng dụng, nói cách khác là khoa học công nghệ là nghiên cứu để đưa ra kết quả tối ưu, áp dụng, vận dụng và phục vụ đời sống xã hội. Lĩnh vực này tương đồng với lĩnh vực giáo dục và đào tạo nói chung và đến một thời điểm thích hợp, cần thiết phải hợp nhất, để thống nhất giao cho một cơ quan tham mưu quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo và khoa học công nghệ. Trong trường hợp hợp nhất các sở này thì có tên gọi là Sở Giáo dục và Khoa học, Công nghệ.

- Cơ sở của việc sáp nhập, thành lập hoặc không thành lập các sở đặc thù, chuyên ngành được quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 9:

Cơ sở đề xuất sáp nhập, thành lập hoặc không thành lập Sở Ngoại vụ, Ban Dân tộc, Sở Du lịch và Sở Quy hoạch - Kiến trúc (ở thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh) để tiếp tục đẩy mạnh trao quyền chủ động cho chính quyền địa phương cấp tỉnh trong việc sắp xếp, thu gọn đầu mối tổ chức cơ quan chuyên môn cấp tỉnh theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, Kế hoạch số 07-KH/TW và Nghị quyết số 56/2017/QH14, dự thảo Nghị định đã quy định giao chính quyền địa

phương cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc không thành lập (kể cả khi đáp ứng đủ tiêu chí thành lập). Trường hợp không thành lập các sở nêu trên thì giao Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (hoặc Văn phòng chính quyền địa phương cấp tỉnh) thực hiện chức năng tham mưu quản lý nhà nước về lĩnh vực ngoại vụ và dân tộc; giao Sở Văn hóa, Thể thao (hoặc Sở Văn hóa, Thông tin và Thể thao) thực hiện chức năng, nhiệm vụ tham mưu quản lý nhà nước về du lịch và đổi tên sở này thành Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch.

Đối với thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, trường hợp không thành lập Sở Quy hoạch - Kiến trúc thì sáp nhập Sở này vào Sở Xây dựng (hoặc Sở Giao thông vận tải - Xây dựng).

d) Về các sở được giữ ổn định hoặc thí điểm hợp nhất với các cơ quan của Đảng có chức năng, nhiệm vụ tương đồng ở cấp tỉnh (Khoản 5 Điều 9)

- Cơ sở của việc thí điểm hợp nhất Sở Nội vụ với Ban Tổ chức tỉnh ủy (thành ủy); Thanh tra tỉnh với Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy (thành ủy): Thực hiện chủ trương thí điểm hợp nhất một số cơ quan của Đảng và Nhà nước có chức năng, nhiệm vụ tương đồng ở cấp tỉnh những nơi có đủ điều kiện theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, dự thảo Nghị định giao cho địa phương quyết định việc giữ ổn định hoặc thí điểm hợp nhất bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương. Trường hợp thực hiện thí điểm hợp nhất Sở Nội vụ với Ban Tổ chức tỉnh ủy (thành ủy) thì có tên gọi là Sở Tổ chức - Nội vụ, trường hợp thí điểm hợp nhất Thanh tra tỉnh với Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy (thành ủy) thì có tên gọi là Kiểm tra - Thanh tra tỉnh.

- Cơ sở của việc thí điểm hợp nhất các tổ chức Văn phòng giúp việc (Khoản 3): Thực hiện Nghị quyết số 56/2017/QH14 với chủ trương thí điểm hợp nhất Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành một văn phòng tham mưu, giúp việc chung, dự thảo Nghị định giao cho địa phương quyết định việc giữ ổn định hoặc thí điểm hợp nhất bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương, nếu hợp nhất thì có tên gọi là Văn phòng địa phương cấp tỉnh. Tuy nhiên, quy định thí điểm trên vướng các quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương, cụ thể: Khoản 3 Điều 6 quy định: Thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân không thể đồng thời là thành viên của Ủy ban nhân dân mà theo quy định tại Khoản 2 Điều 18, Khoản 2 Điều 39 thì Chánh văn phòng Hội đồng nhân dân là Ủy viên thường trực Hội đồng nhân dân và quy định tại Khoản 1 Điều 20 và Khoản 1 Điều 41 thì Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là Ủy viên ủy ban nhân dân. Như vậy, nếu hợp nhất Văn Hội đồng nhân dân với Văn phòng Ủy ban nhân dân sẽ phải sửa Luật tổ chức chính quyền địa phương.

đ) Về khung số lượng các sở (Điều 10)

Căn cứ vào phân nhóm sở và thẩm quyền quyết định thành lập sở nêu trên, thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy theo tinh thần Nghị quyết số 18-

NQ/TW, Kế hoạch số 07-KH/TW và Nghị quyết số 56/2017/QH14, Bộ Nội vụ đề xuất 02 phương án về khung số lượng sở như sau:

- Phương án 1: Quy định tổng số lượng sở sau khi thực hiện việc hợp nhất (thí điểm hợp nhất), sáp nhập, thành lập hoặc không thành lập theo quy định tại Điều 9, bảo đảm không vượt quá số lượng sở hiện có và khung số lượng sở của từng địa phương theo phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh. cụ thể:

+ Không quá 20 sở đối với thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Không quá 19 sở đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh loại I;

+ Không quá 18 sở đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh loại II;

+ Không quá 17 sở đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh loại III.

Theo phương án này thì sẽ giảm tối thiểu 46 sở (chưa bao gồm các sở không đáp ứng đủ tiêu chí thành lập cần phải sắp xếp lại theo quy định tại Nghị định này) tại 34 tỉnh, thành phố, cụ thể như sau:

+ Có 22 tỉnh, thành phố[1] cần giảm tối thiểu 01 sở.

+ Có 12 tỉnh[2] cần giảm tối thiểu 02 sở.

Theo phương án 1: Bảo đảm sự ổn định các tổ chức sở hiện có, không có nhiều sự xáo trộn; tuy nhiên, có 04 tỉnh có số lượng sở hiện tại ít hơn với quy định khung của Chính phủ, có 20 tỉnh có số lượng sở bằng với số sở theo quy định khung của Chính phủ; theo đó, việc sắp xếp các cơ quan chuyên môn theo phương án 1.1 chưa thực sự bảo đảm yêu cầu tinh gọn tổ chức cơ quan chuyên môn ở địa phương.

Phương án 2:

Trên cơ sở thực trạng tổ chức các sở ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương so với quy định khung của phương án 1, Bộ Nội vụ đề xuất khung các sở theo phương án 2 với mức độ tinh gọn cao hơn phương án 1, cụ thể như sau:

+ Không quá 20 sở đối với thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Không quá 18 sở đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh loại I;

+ Không quá 17 sở đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh loại II và loại III.

Theo phương án này thì sẽ giảm tối thiểu 88 sở (chưa bao gồm các sở không đáp ứng đủ tiêu chí thành lập cần phải sắp xếp lại theo quy định tại Nghị định này) tại 54 tỉnh, thành phố, cụ thể như sau:

+ Có 24 tỉnh, thành phố[3] cần giảm tối thiểu 01 sở.

---

[1] Hà Nội, Quảng Ninh, Nghệ An, An Giang, Bình Phước, Lâm Đồng, Kon Tum, Quảng Ngãi, Lai Châu, Điện Biên, Bắc Giang, Hòa Bình, Cao Bằng, Thái Nguyên, Yên Bái, Lào Cai, Lạng Sơn, Hà Giang, Hậu Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh, Ninh Thuận.

[2] Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Bình Định, Khánh Hòa, Bà Rịa - Vũng Tàu, Kiên Giang, Bạc Liêu, Đắk Nông, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Tuyên Quang, Quảng Trị.

+ Có 23 tỉnh, thành phố[4] cần giảm tối thiểu 02 sở.

+ Có 06 tỉnh[5] cần giảm tối thiểu 03 sở.

Theo phương án 2: Đạt được yêu cầu tinh gọn bộ máy vì có 53/63 tỉnh, thành phố cần thực hiện việc sắp xếp, tinh gọn để bảo đảm quy định khung của Chính phủ. Tuy nhiên, có tới 23 tỉnh, thành phố cần thực hiện giảm ít nhất 02 sở và 06 tỉnh, thành phố thực hiện giảm ít nhất là 03 sở; theo đó, sẽ có nhiều sự xáo trộn về tổ chức, nhân sự trong việc sắp xếp các sở theo quy định khung của Chính phủ.

Thực hiện theo các phương án 1 và phương án 2 nêu trên thì sẽ bảo đảm được sự thống nhất về tên gọi và phân công chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực của các sở và trao quyền chủ động cho địa phương trong việc quyết định cơ cấu tổ chức của các sở, đáp ứng được yêu cầu sắp xếp tổ chức các sở tinh gọn hơn, hạn chế sự cào bằng về số lượng tổ chức các sở giữa các đơn vị hành chính cấp tỉnh. Tuy nhiên, cần sửa đổi thẩm quyền của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực trong việc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của sở theo quy định tại Khoản 6 Điều 13 Nghị định 123/2016/NĐ-CP.

- Phương án 3: Quy định tổng số lượng sở sau khi thực hiện việc hợp nhất (thí điểm hợp nhất), sáp nhập, thành lập hoặc không thành lập theo quy định tại Điều 9 dự thảo Nghị định, bảo đảm không vượt quá số lượng sở hiện có tại thời điểm tổ chức thực hiện Nghị định.

Thực hiện theo phương án 3 thì sẽ bảo đảm được sự thống nhất về tên gọi, phân công chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực của các sở và trao quyền chủ động cho địa phương trong việc quyết định cơ cấu tổ chức của các sở như phương án 1 và phương án 2. Hạn chế của phương án này là địa phương không chủ động và thực hiện quyết liệt thì sẽ không tinh giảm được đầu mối tổ chức bộ máy cơ quan chuyên môn theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW và cũng cần sửa đổi thẩm quyền của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực trong việc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của sở theo quy định tại Khoản 6 Điều 13 Nghị định 123/2016/NĐ-CP như đối với phương án 1 và phương án 2.

Trong các phương án nêu trên, để bảo đảm thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy có lộ trình, tránh xáo trộn lớn, Bộ Nội vụ đề xuất chọn phương án 1.

---

[3] Hà Nội, Sơn La, Hải Phòng, Thanh Hóa, Đà Nẵng, Quảng Nam, Đắk Lắk, Đồng Nai, Cần Thơ, Hậu Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh, Ninh Thuận, Bắc Cạn, Hà Tĩnh, Phú Yên, Bình Thuận, Bình Dương, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang, Sóc Trăng, Đồng Tháp, Cà Mau.

[4] Quảng Ninh, Nghệ An, An Giang, Bình Phước, Lâm Đồng, Kon Tum, Quảng Ngãi, Lai Châu, Điện Biên, Bắc Giang, Hòa Bình, Cao Bằng, Thái Nguyên, Yên Bái, Lào Cai, Lạng Sơn, Hà Giang, Bạc Liêu, Đắk Nông, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Tuyên Quang, Quảng Trị.

[5] Quảng Bình, Thừa Thiên - Huế, Bình Định, Khánh Hòa, Bà Rịa - Vũng Tàu, Kiên Giang

e) Về việc hợp nhất, sáp nhập các sở để tinh gọn tổ chức bộ máy hoặc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ giữa các sở bảo đảm phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương nhưng khác với quy định tại Nghị định

Để bảo đảm phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương, không bỏ sót chức năng tham mưu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực giữa các sở và khuyến khích địa phương thực hiện việc sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy hơn so với quy định tại Nghị định, dự thảo Nghị định bổ sung quy định tại Khoản 2 Điều 10 như sau: Trường hợp hợp nhất, sáp nhập các sở để tinh gọn tổ chức bộ máy, điều chỉnh chức năng giữa các sở khác với quy định tại Nghị định này thì Ủy ban nhân cấp tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

3. Về cơ cấu tổ chức của sở (Điều 5)

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Kế hoạch số 07-KH/TW và Nghị quyết số 56/2017/QH14, dự thảo Nghị định đã quy định chung về cơ cấu tổ chức của sở và xác định tiêu chí thành lập các tổ chức bên trong của sở. Căn cứ các tiêu chí theo quy định của Chính phủ tại Nghị định này, chính quyền địa phương cấp tỉnh quyết định cụ thể cơ cấu tổ chức của sở, cụ thể:

a) Tiêu chí thành lập chi cục thuộc sở (Khoản 2)

- Có đối tượng quản lý về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

- Được phân cấp, ủy quyền để quyết định các vấn đề thuộc phạm vi quản lý nhà nước về chuyên ngành, lĩnh vực.

- Khối lượng công việc yêu cầu được bố trí tối thiểu từ 12 biên chế công chức trở lên (sau đây gọi chung là biên chế).

b) Tiêu chí thành lập phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc sở (Khoản 3)

- Tổ chức phòng quản lý đa ngành, đa lĩnh vực; các mảng, lĩnh vực công tác do phòng phụ trách phải có quy trình quản lý hoặc đối tượng quản lý rõ ràng phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực của sở.

- Khối lượng công việc yêu cầu được bố trí tối thiểu từ 07 biên chế trở lên đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh loại đặc biệt; tối thiểu từ 06 biên chế trở lên đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh loại 1; tối thiểu từ 05 biên chế trở lên đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh loại 2 và loại 3.

c) Tiêu chí thành lập Thanh tra sở (Khoản 4)

- Thanh tra sở được thành lập tại sở được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc theo quy định của pháp luật.

- Có đối tượng thanh tra theo quy định của pháp luật.

d) Tiêu chí thành lập phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc chi cục thuộc sở (Khoản 5)

- Tổ chức phòng quản lý đa ngành, đa lĩnh vực; các mảng, lĩnh vực công tác do phòng phụ trách phải có quy trình quản lý hoặc đối tượng quản lý rõ ràng phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn quản lý chuyên ngành, lĩnh vực của chi cục.

- Khối lượng công việc yêu cầu được bố trí tối thiểu từ 05 biên chế trở lên.

đ) Đối với Văn phòng sở là tổ chức tham mưu tổng hợp về chương trình, kế hoạch công tác của sở, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Lãnh đạo sở và phục vụ các hoạt động chung của sở, nên tổ chức này là cần thiết và không cần tiêu chí thành lập.

Việc quy định tiêu chí thành lập tổ chức nêu trên vừa đáp ứng yêu cầu thành lập tổ chức gắn với phạm vi, đối tượng quản lý chuyên ngành theo phân cấp, vừa bảo đảm việc xác định quy mô phù hợp với từng loại hình tổ chức (trên cơ sở quy định số lượng biên chế tối thiểu đối với từng loại hình tổ chức thuộc sở), khắc phục tình trạng thành lập một số tổ chức thuộc sở có quy mô quá nhỏ (có từ 2-3 biên chế đối với phòng và có từ 8-10 biên chế đối với chi cục thuộc sở) như hiện nay. Riêng tính chất đặc thù của tổ chức Thanh tra sở được thành lập theo Luật Thanh tra và phụ thuộc vào phạm vi, mức độ thực hiện nhiệm vụ thanh tra của từng sở nên không quy định biên chế tối thiểu.

Căn cứ các tiêu chí quy định tại Nghị định, hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của sở và yêu cầu quản lý nhà nước ở địa phương, phân cấp và giao cho Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cơ cấu tổ chức bên trong của từng sở cho phù hợp, phát huy được tính chủ động của địa phương trong việc sắp xếp tổ chức bên trong của sở bảo đảm tinh gọn, hợp lý phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương. Hạn chế tình trạng cào bằng, quy định cứng về số lượng tổ chức bên trong của sở theo hướng dẫn của các Bộ, ngành, không phù hợp với yêu cầu quản lý và làm tăng tổ chức không cần thiết tại địa phương.

4. Về số lượng cấp phó (Điều 6)

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Kế hoạch số 07-KH/TW và Nghị quyết số 56/2017/QH14 về việc quy định số lượng lãnh đạo cấp phó tối đa của mỗi tổ chức thuộc chính quyền địa phương, dự thảo Nghị định đã bổ sung, hoàn thiện các quy định về số lượng cấp phó trong các tổ chức như sau:

a) Về số lượng Phó Giám đốc sở (Điểm c Khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị định), Bộ Nội vụ đề xuất 02 phương án:

Phương án 1: Quy định số lượng Phó Giám đốc sở căn cứ đầu mối tổ chức bên trong của sở được quy định tại Điểm a, b, c, d Khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị định (không tính đầu mối đơn vị sự nghiệp công lập), cụ thể:

- Đối với thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh: Sở có từ 06 đầu mối tổ chức trở lên, được bố trí không quá 04 Phó Giám đốc; sở có dưới 06 đầu mối tổ chức được bố trí không quá 03 Phó Giám đốc.

- Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương còn lại: Sở có từ 06 đầu mối tổ chức trở lên, được bố trí không quá 03 Phó Giám đốc; sở có dưới 06 đầu mối tổ chức được bố trí không quá 02 Phó Giám đốc.

Thực hiện theo phương án 1 thì số lượng Phó Giám đốc sở sẽ được bố trí phù hợp với quy mô tổ chức, hạn chế sự cào bằng về số lượng Phó Giám đốc giữa các sở, đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương. Tuy nhiên, do số lượng Phó Giám đốc sở phụ thuộc vào số lượng đầu mối tổ chức bên trong sở có thể dẫn đến các địa phương tìm cách lập nhiều tổ chức bên trong sở. Để khắc phục hạn chế này cần phải quy định rõ và thực hiện nghiêm tiêu chí thành lập các tổ chức bên trong sở.

Phương án 2: Quy định số Phó Giám đốc trên cơ sở tính bình quân, cụ thể:

Quy định mỗi sở thuộc thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh bình quân có không quá 3,5 Phó Giám đốc; mỗi sở thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương còn lại bình quân có không quá 03 Phó Giám đốc. Căn cứ vào số lượng sở được thành lập và tổng số lượng Phó Giám đốc sở, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể số lượng Phó Giám đốc của từng sở cho phù hợp.

Thực hiện phương án 2 thì địa phương được trao quyền chủ động nhiều hơn so với phương án 1 trong việc quyết định số lượng Phó Giám đốc đối với từng sở phù hợp với quy mô tổ chức, phạm vi chức năng, nhiệm vụ của từng sở. Tuy nhiên, trong khi chưa sửa Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương thì số lượng Phó Giám đốc sở có thể nhiều hơn số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và số lượng cấp phó của các cơ quan Trung ương (Bộ, tổng cục, vụ, cục thuộc Bộ); đồng thời, cũng dễ nảy sinh ý kiến chủ quan, tùy tiện trong việc bố trí số lượng Phó Giám đốc của từng sở.

Trong 02 phương án nêu trên, Bộ Nội vụ đề xuất chọn phương án 1.

b) Số lượng cấp phó các tổ chức bên trong của sở (từ Khoản 2 đến Khoản 6 Điều 6):

Trên cơ sở hoàn thiện quy định tiêu chí thành lập tổ chức nêu trên, dự thảo Nghị định đã hoàn thiện quy định về số lượng cấp phó của các tổ chức bên trong sở, bảo đảm nguyên tắc số lượng người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý phải ít hơn số lượng công chức thực thi, thừa hành và được điều chỉnh phù hợp với quy mô tổ chức (số lượng đầu mối trực thuộc), số lượng biên chế tối thiểu, khắc phục sự cào bằng trong việc bố trí cấp phó trong các tổ chức hiện nay. Cụ thể:

- Đối với chi cục thuộc sở (Khoản 2)

+ Chi cục có từ 03 phòng trở xuống được bố trí 01 Phó Chi cục trưởng;

+ Chi cục không có phòng hoặc có từ 04 phòng và tương đương trở lên được bố trí không quá 02 Phó Chi cục trưởng.

- Đối với các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc sở (Khoản 3)

+ Phòng có từ đủ biên chế tối thiểu theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 5 Nghị định này đến 09 biên chế đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh loại đặc biệt; đến 08 biên chế đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh loại I; đến 07 biên chế đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh loại II và loại III được bố trí 01 Phó Trưởng phòng.

+ Phòng có từ 10 biên chế đến 14 biên chế đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh loại đặc biệt; có từ 09 biên chế đến 14 biên chế đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh loại I; có từ 08 biên chế đến 14 biên chế đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh loại II và loại III được bố trí không quá 02 Phó Trưởng phòng.

+ Phòng có từ 15 biên chế trở lên được bố trí không quá 03 Phó Trưởng phòng.

- Đối với Văn phòng sở (Khoản 4), số lượng cấp phó được thực hiện như quy định đối với các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc sở.

- Đối với Thanh tra sở (Khoản 5) có từ 05 biên chế đến 07 biên chế được bố trí 01 Phó Chánh Thanh tra; từ 08 biên chế trở lên được bố trí 02 Phó Chánh Thanh tra.

- Đối với phòng thuộc chi cục thuộc sở (Khoản 6 Điều 6):

+ Phòng có từ 05 đến 07 biên chế được bố trí 01 Phó Trưởng phòng;

+ Phòng có từ 08 biên chế trở lên được bố trí không quá 02 Phó Trưởng phòng.

5. Một số nội dung mới khác

a) Về chế độ làm việc của sở (Khoản 1 Điều 7)

Bổ sung cụm từ "kết hợp với chế độ chuyên viên" tại Khoản 1 Điều 7 dự thảo Nghị định để hoàn thiện quy định về chế độ làm việc theo hướng: Chế độ thủ trưởng kết hợp với chế độ chuyên viên, bảo đảm phù hợp với chế độ làm việc của cơ quan có thẩm quyền riêng tham mưu quản lý nhà nước chuyên sâu về ngành, lĩnh vực, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu kết hợp với trách nhiệm của từng chuyên viên trong việc tham mưu, đề xuất thực hiện nhiệm vụ theo phân công. Theo đó, đối với các mảng ngành, lĩnh vực không thành lập tổ chức phòng sẽ giao cho chuyên viên trực tiếp tham mưu, giúp việc lãnh đạo sở và chịu trách nhiệm cá nhân trước lãnh đạo sở và trước pháp luật về nội dung nhiệm vụ tham mưu, đề xuất.

b) Về tiêu chí thành lập Ban Dân tộc, Sở Ngoại vụ

Để bảo đảm đúng nguyên tắc tổ chức sở đặc thù, chuyên ngành nhằm đảm bảo yêu cầu quản lý nhà nước và phát huy thế mạnh của địa phương, dự thảo Nghị định đã điều chỉnh tiêu chí thành lập Ban Dân tộc và Sở Ngoại vụ, cụ thể:

- Đối với Ban Dân tộc: Phải đáp ứng đủ 03 tiêu chí theo quy định tại Nghị định (khác với quy định tại Nghị định số 24/2014/NĐ-CP là đáp ứng 02 trong 03 tiêu chí).

b) Sở Ngoại vụ được thành lập khi đáp ứng một trong hai tiêu chí sau:

- Có cửa khẩu quốc tế đường bộ hoặc cửa khẩu quốc tế đường hàng không hoặc cảng biển quốc tế.

- Có đủ các điều kiện sau: Có từ 500 dự án đầu tư nước ngoài hoặc có tổng vốn đầu tư nước ngoài đạt trên 100.000 tỷ đồng Việt Nam đã và đang hoạt động có hiệu quả tại địa phương; có trên 4.000 người nước ngoài hiện đang sinh sống và làm việc tại địa phương; có kim ngạch xuất nhập khẩu hàng năm đạt từ 100.000 tỷ đồng Việt Nam trở lên; đã ký kết thỏa thuận về hợp tác hữu nghị với 5 địa phương trở lên tại các quốc gia trên thế giới.

b) Về Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Khoản 2 Điều 14)

Hiện nay mô hình tổ chức này chưa thống nhất, đang trong quá trình thực hiện thí điểm; trên thực tế, yêu cầu của từng địa phương đối với mô hình tổ chức này rất khác nhau. Để hạn chế việc tăng tổ chức bộ máy, Trung tâm này được quy định trong cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và do địa phương quyết định việc thành lập hoặc không thành lập phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước ở địa phương (các tỉnh đã được thí điểm thành lập Trung tâm hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì tiếp tục thực hiện đến khi hết thời hạn thí điểm). Nội dung cụ thể được quy định tại Khoản 2 Điều 14 dự thảo Nghị định.

c) Về nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ, ngành, địa phương (từ Điều 12 đến Điều 15)

- Về nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Nội vụ:

Bổ sung Khoản 3 Điều 12: Hướng dẫn chung về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý của các sở và các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Bổ sung Khoản 4 Điều 12: Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hợp nhất, sáp nhập các sở để tinh gọn tổ chức bộ máy, điều chỉnh chức năng giữa các sở khác với quy định tại Nghị định này; quyết định hợp nhất, sáp nhập các phòng chuyên môn để tinh gọn tổ chức bộ máy, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ giữa các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện khác với Nghị định quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Về nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ quản lý chuyên ngành, lĩnh vực (Điều 13):

Bỏ quy định về thẩm quyền của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực trong việc hướng dẫn về cơ cấu tổ chức của sở và hướng dẫn về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo sở, bảo đảm thực hiện thống nhất với các nội dung quy định về thẩm quyền của Bộ Nội vụ trong việc hướng dẫn chung về tiêu chuẩn chức danh và giao thẩm

quyền cho chính quyền địa phương cấp tỉnh quyết định cụ thể cơ cấu tổ chức của sở, quy định cụ thể tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo sở, bảo đảm tinh gọn bộ máy và đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực ở địa phương.

- Về nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Điều 14):

Để thống nhất với quy định về thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với tổ chức các cơ quan chuyên môn được quy định tại dự thảo Nghị định thì tại Điều 14 dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc quyết định giữ ổn định, hợp nhất, sáp nhập, thành lập hoặc không thành lập các sở; quyết định cơ cấu tổ chức bên trong của sở (theo tiêu chí và bảo đảm không vượt quá số lượng hiện có), số lượng phó giám đốc sở và cấp phó của các đơn vị thuộc sở, bảo đảm phù hợp với quy định của Chính phủ, của Thủ tướng Chính phủ (trong trường hợp hợp nhất, sáp nhập các sở để tinh gọn tổ chức bộ máy, điều chỉnh chức năng giữa các sở khác với quy định tại Nghị định này) và hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của sở; quy định cụ thể về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý của các sở và các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; báo cáo Bộ Nội vụ để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hợp nhất, sáp nhập các sở để tinh gọn tổ chức bộ máy, điều chỉnh chức năng giữa các sở khác với quy định tại Nghị định này; quyết định hợp nhất, sáp nhập các phòng chuyên môn để tinh gọn tổ chức bộ máy, điều chỉnh chức năng giữa các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện khác với quy định tại Nghị định quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

d) Về hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện (Điều 16)

- Tại Khoản 4 Điều 16 dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định về trách nhiệm của cơ quan và trách nhiệm của cá nhân người đứng đầu, bảo đảm thực hiện nghiêm các quy định về sắp xếp, tổ chức các cơ quan chuyên môn tại địa phương, cụ thể: Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi thẩm quyền được giao. Trường hợp làm trái với quy định tại Nghị định này sẽ bị xem xét xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật; đưa vào xem xét phân loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm và tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo các hình thức kỷ luật đối với cán bộ, công chức theo quy định.

- Bổ sung Khoản 5 Điều 16 dự thảo Nghị định quy định chuyển tiếp về số lượng cấp phó trong quá trình sắp xếp tổ chức các sở theo quy định tại Nghị định này như sau: Trường hợp sắp xếp tổ chức làm tăng số lượng cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị so với quy định tại Nghị định này thì trong thời hạn 03 năm Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sắp xếp, bố trí để giảm

số lượng cấp phó, bảo đảm phù hợp với quy định tại Nghị định này; chỉ được bổ sung khi số lượng cấp phó thấp hơn quy định tại Nghị định này.

IV. VỀ QUY TRÌNH BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định đã được trình Chính phủ trước Hội Nghị Trung ương 6 khóa XII; nay dự thảo Nghị định tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW: Quy định khung số lượng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; khung số lượng cấp phó của cơ quan chuyên môn và khung số lượng cấp phó của tổ chức bên trong sở; xác định rõ tiêu chí thành lập tổ chức, số lượng biên chế tối thiểu của một tổ chức thuộc cơ cấu tổ chức bên trong của sở, chi cục thuộc sở. Theo đó, phân cấp và giao quyền cho địa phương trong việc giữ ổn định, hợp nhất (thí điểm hợp nhất), sáp nhập, thành lập hoặc không thành lập cơ quan chuyên môn, bảo đảm phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương và tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương.

Theo Kế hoạch số 07- KH/TW, Chính phủ sẽ quy định các nội dung nêu trên theo thẩm quyền, nhưng trước khi ban hành, Ban Cán sự đảng Chính phủ cần báo cáo Bộ Chính trị. Vì vậy, Bộ Nội vụ báo cáo Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ; xin ý kiến chỉ đạo của Bí thư Cán sự đảng Chính phủ để thực hiện quy trình này.

V. TIẾP THU Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VÀ Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

...

VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ

Trong quá trình dự thảo Nghị định còn một số vấn đề có ý kiến khác nhau, Bộ Nội vụ xin ý kiến Chính phủ như sau:

...

Trên đây là nội dung báo cáo về việc hoàn thiện dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW (kèm theo dự thảo Nghị định).

Bộ Nội vụ kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để p/hợp);
- Bộ trưởng Lê Vĩnh Tân;
- Thứ trưởng Nguyễn Duy Thăng;
- Lưu: VT, TCBC (05b).

BỘ TRƯỞNG

Lê Vĩnh Tân

CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2018/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày tháng năm 2018*

Dự thảo ngày
09/4/2018

NGHỊ ĐỊNH
Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh).

2. Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, gồm: Sở và cơ quan tương đương sở (sau đây gọi chung là sở).

3. Các cơ quan sau đây không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định này:

a) Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu công nghệ cao, Khu kinh tế và Ban Quản lý có tên gọi khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đặt tại địa phương.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của sở

1. Tổ chức sở quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, tinh gọn, hợp lý, hiệu lực, hiệu quả theo yêu cầu cải cách hành chính; không nhất thiết ở Trung ương có Bộ, cơ quan ngang Bộ thì cấp tỉnh có tổ chức tương ứng.

2. Bảo đảm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị và điều kiện, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương; bảo đảm sự thống nhất, thông suốt quản lý ngành, lĩnh vực công tác từ Trung ương đến cơ sở.

3. Không trùng lặp chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn với các tổ chức thuộc cơ quan Trung ương đặt tại địa phương và giữa các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 3. Vị trí và chức năng của sở

1. Sở là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương theo quy định của pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân cấp, uỷ quyền của cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Sở có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của sở

1. Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Dự thảo quyết định; quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn và hàng năm; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước về ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao;

b) Dự thảo quyết định việc phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực cho sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Dự thảo quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của sở;

d) Dự thảo quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều 5 Nghị định này theo quy định của pháp luật;

đ) Dự thảo quy hoạch mạng lưới tổ chức sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; dự thảo quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc chi cục (nếu có) theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo quy định của pháp luật; dự thảo quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

e) Dự thảo văn bản quy định cụ thể điều kiện, tiêu chuẩn, chức danh đối với công chức, viên chức lãnh đạo đơn vị thuộc và trực thuộc sở; cán bộ, công chức lãnh đạo cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý, phù hợp với hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của chi cục và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở;

b) Dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân công.

3. Trực tiếp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn thuộc ngành, lĩnh vực quản lý, gồm:

a) Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được giao;

b) Thẩm định, giám định, đăng ký, cấp giấy phép, văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận theo quy định của pháp luật và theo phân cấp hoặc ủy quyền của cơ quan nhà nước cấp trên;

c) Quản lý, khuyến khích, hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp, hợp tác xã, các loại hình kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân thuộc các thành phần kinh tế trong ngành, lĩnh vực; kiểm tra việc thực hiện các quy định đối với ngành, nghề kinh doanh dịch vụ có điều kiện theo quy định của pháp luật, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc xử lý vi phạm theo thẩm quyền;

d) Quản lý các tổ chức hội, các tổ chức phi chính phủ theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền; hướng dẫn, tạo điều kiện để các hội, các tổ chức phi chính phủ tham gia các hoạt động trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý; thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

đ) Cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật; quản lý, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của các tổ chức sự nghiệp ngoài công lập có liên quan đến ngành, lĩnh vực;

e) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và chức danh chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;

g) Kiểm tra, thanh tra theo ngành, lĩnh vực theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền đối với tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí theo quy định của pháp luật;

h) Thực hiện hợp tác quốc tế về ngành, lĩnh vực quản lý và theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

i) Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ;

k) Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các cơ quan nhà nước khác khi có yêu cầu.

4. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nội bộ, gồm:

a) Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của văn phòng, thanh tra, các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc sở, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc chi cục (nếu có) phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của sở theo hướng dẫn chung của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Quản lý về tổ chức bộ máy; vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức trong các tổ chức hành chính thuộc sở; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Quản lý và tổ chức sử dụng có hiệu quả công sở, tài sản, các phương tiện làm việc, tài chính và ngân sách được giao theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân cấp hoặc ủy quyền của cơ quan nhà nước cấp trên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức của sở

1. Cơ cấu tổ chức của sở gồm:

a) Văn phòng;

b) Thanh tra;

c) Phòng chuyên môn, nghiệp vụ (thực hiện tham mưu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực). Đối với công tác pháp chế, giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và khối lượng công việc của từng sở quyết định việc thành lập Phòng Pháp chế theo tiêu chí thành lập phòng quy định tại Khoản 3 điều này hoặc bố trí biên chế công chức làm công tác pháp chế cho phù hợp;

d) Chi cục và các tổ chức tương đương (sau đây gọi chung là chi cục);

đ) Đơn vị sự nghiệp công lập.

Không nhất thiết các sở đều có các tổ chức quy định tại Điểm a, b, d và đ Khoản 1 Điều này.

2. Tiêu chí thành lập Chi cục

a) Có đối tượng quản lý về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

b) Được phân cấp, ủy quyền để quyết định các vấn đề thuộc phạm vi quản lý nhà nước về chuyên ngành, lĩnh vực;

c) Khối lượng công việc yêu cầu được bố trí tối thiểu từ 12 biên chế công chức trở lên (sau đây gọi chung là biên chế).

3. Tiêu chí thành lập phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc sở

a) Tổ chức phòng quản lý đa ngành, đa lĩnh vực; các mảng, lĩnh vực công tác do phòng phụ trách phải có quy trình quản lý hoặc đối tượng quản lý rõ ràng phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực của sở;

b) Khối lượng công việc yêu cầu được bố trí tối thiểu từ 07 biên chế trở lên đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh loại đặc biệt; tối thiểu từ 06 biên chế trở lên

đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh loại 1; tối thiểu từ 05 biên chế trở lên đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh loại 2 và loại 3.

4. Tiêu chí thành lập Thanh tra sở

a) Thanh tra sở được thành lập tại sở được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc theo quy định của pháp luật.

b) Có đối tượng thanh tra theo quy định của pháp luật.

5. Tiêu chí thành lập phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc chi cục thuộc sở

a) Các mảng công việc, lĩnh vực công tác do phòng phụ trách phải có quy trình quản lý hoặc đối tượng quản lý rõ ràng phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn quản lý chuyên ngành, lĩnh vực của chi cục;

b) Khối lượng công việc yêu cầu được bố trí tối thiểu từ 05 biên chế trở lên.

Điều 6. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu sở và số lượng cấp phó của các tổ chức, đơn vị thuộc sở

1. Đối với sở

a) Người đứng đầu sở là Ủy viên Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi chung là Giám đốc sở), lãnh đạo công tác của sở; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của sở và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Cấp phó của người đứng đầu sở (sau đây gọi chung là Phó Giám đốc sở) giúp Giám đốc sở thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc sở phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc sở và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc sở vắng mặt, một Phó Giám đốc sở được Giám đốc sở uỷ nhiệm thay Giám đốc sở điều hành các hoạt động của sở. Phó Giám đốc sở không kiêm người đứng đầu tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc sở.

c) Số lượng Phó Giám đốc sở:

Phương án 1:

Căn cứ đầu mối tổ chức quy định tại Điểm a, b, c, d Khoản 1 Điều 5 Nghị định:

Đối với thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh: Sở có từ 06 đầu mối tổ chức trở lên, được bố trí không quá 04 Phó Giám đốc; sở có dưới 06 đầu mối tổ chức được bố trí không quá 03 Phó Giám đốc.

Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương còn lại: Sở có từ 06 đầu mối tổ chức trở lên, được bố trí không quá 03 Phó Giám đốc; sở có dưới 06 đầu mối tổ chức được bố trí không quá 02 Phó Giám đốc.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể số lượng Phó Giám đốc của từng sở cho phù hợp.

Phương án 2:

Quy định mỗi sở thuộc thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh bình quân có không quá 3,5 Phó Giám đốc; mỗi Sở thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương còn lại bình quân có không quá 03 Phó Giám đốc. Căn cứ vào số lượng sở được thành lập và tổng số lượng Phó Giám đốc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể số lượng Phó Giám đốc của từng sở cho phù hợp.

(Trong 02 phương án về số lượng Phó Giám đốc sở nêu trên, Bộ Nội vụ đề xuất chọn phương án 1).

d) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với Giám đốc sở và Phó Giám đốc sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Đối với chi cục thuộc sở

a) Chi cục có từ 03 phòng và tương đương trở xuống được bố trí 01 Phó Chi cục trưởng;

b) Chi cục không có phòng hoặc có từ 04 phòng và tương đương trở lên được bố trí không quá 02 Phó Chi cục trưởng.

3. Đối với các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc sở

a) Phòng có từ đủ biên chế tối thiểu theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 5 Nghị định này đến 09 biên chế đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh loại đặc biệt; đến 08 biên chế đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh loại 1; đến 07 biên chế đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh loại 2 và loại 3 được bố trí 01 Phó Trưởng phòng;

b) Phòng có từ 10 biên chế đến 14 biên chế đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh loại đặc biệt; có từ 09 biên chế đến 14 biên chế đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh loại 1; có từ 08 biên chế đến 14 biên chế đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh loại 2 và loại 3 được bố trí không quá 02 Phó Trưởng phòng;

c) Phòng có từ 15 biên chế trở lên được bố trí không quá 03 Phó Trưởng phòng;

4. Đối với Văn phòng sở, số lượng cấp phó được thực hiện như quy định tại Khoản 3 Điều này.

5. Đối với Thanh tra sở có từ 05 biên chế đến 07 biên chế được bố trí 01 Phó Chánh Thanh tra; từ 08 biên chế trở lên được bố trí 02 Phó Chánh Thanh tra.

6. Đối với phòng thuộc chi cục thuộc sở

a) Phòng có từ 05 đến 07 biên chế được bố trí 01 Phó Trưởng phòng;

b) Phòng có từ 08 biên chế trở lên được bố trí không quá 02 Phó Trưởng phòng.

Điều 7. Chế độ làm việc của sở và trách nhiệm của Giám đốc sở

1. Sở làm việc theo chế độ thủ trưởng kết hợp với chế độ chuyên viên và theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ.

2. Căn cứ các quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc sở ban hành Quy chế làm việc của sở và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện.

3. Giám đốc sở chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của sở và các công việc được Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công, phân cấp hoặc ủy quyền; thực hiện các công việc của Ủy viên Ủy ban nhân dân theo quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền thì Giám đốc sở chủ động hoặc phối hợp với Giám đốc sở có liên quan để hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định; không chuyển công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của sở lên Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm khi để xảy ra tham nhũng, lãng phí, gây thiệt hại trong tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý.

4. Giám đốc sở có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ, cơ quan ngang Bộ về tổ chức, hoạt động của cơ quan mình; báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi có yêu cầu; cung cấp tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; trả lời kiến nghị của cử tri, chất vấn của Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về những vấn đề trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý; phối hợp với các Giám đốc sở khác, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ của sở.

5. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển chức danh lãnh đạo quản lý của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc sở theo tiêu chuẩn chức danh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

Chương II
DANH MỤC VÀ TỔ CHỨC CÁC SỞ THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH

Điều 8. Danh mục các sở

1. Sở Nội vụ: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Tổ chức bộ máy; vị trí việc làm; biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức; chính quyền địa phương; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã;

đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ; văn thư, lưu trữ nhà nước; tôn giáo, tín ngưỡng; công tác thanh niên; thi đua - khen thưởng; các dịch vụ sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tư pháp: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Công tác xây dựng và thi hành pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật; kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật; pháp chế; công chứng, chứng thực; nuôi con nuôi; trọng tài thương mại; hộ tịch; quốc tịch; lý lịch tư pháp; bồi thường nhà nước; luật sư, tư vấn pháp luật; trợ giúp pháp lý; giám định tư pháp; hòa giải cơ sở; bán đấu giá tài sản; quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; công tác tư pháp khác; các dịch vụ sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Lao động, tiền lương; việc làm; giáo dục nghề nghiệp (trừ các trường sư phạm); bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bảo trợ xã hội; trẻ em; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các dịch vụ sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Tổng hợp quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tổ chức thực hiện và đề xuất về cơ chế, chính sách quản lý kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài ở địa phương; quản lý nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nguồn viện trợ phi chính phủ; đấu thầu; đăng ký kinh doanh; tổng hợp về doanh nghiệp, kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế tư nhân.

5. Sở Tài chính: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Tài chính - ngân sách (bao gồm: Ngân sách nhà nước; thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước; tài sản nhà nước; các quỹ tài chính nhà nước; đầu tư tài chính; tài chính doanh nghiệp; tài chính hợp tác xã và kinh tế tập thể; tài sản công theo quy định của pháp luật); kế toán; kiểm toán độc lập; giá và các hoạt động dịch vụ tài chính tại địa phương theo quy định của pháp luật.

6. Sở Công Thương: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Cơ khí; luyện kim; điện; năng lượng mới; năng lượng tái tạo; dầu khí (nếu có); hoá chất; vật liệu nổ công nghiệp; công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản (trừ vật liệu xây dựng); công nghiệp tiêu dùng; công nghiệp thực phẩm; công nghiệp chế biến khác; lưu thông hàng hoá trên địa bàn; xuất khẩu, nhập khẩu; xúc tiến thương mại; thương mại điện tử; dịch vụ thương mại; quản lý cạnh tranh; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hội nhập kinh tế quốc tế; quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn; các dịch vụ sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; khí tượng thuỷ văn; biến đổi khí hậu; đa dạng sinh học; đo đạc và bản đồ; viễn thám; quản lý tổng hợp và thống nhất về tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo (đối với các tỉnh có biển, đảo); các dịch vụ sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

8. Sở Giao thông vận tải: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Đường bộ, đường thuỷ nội địa, đường sắt đô thị; vận tải; an toàn giao thông; quản lý, khai thác, duy tu, bảo trì hạ tầng giao thông đô thị gồm: cầu đường bộ, cầu vượt, hè phố, đường phố, dải phân cách, hệ thống biển báo hiệu đường bộ, đèn tín hiệu điều khiển giao thông, hầm dành cho người đi bộ, hầm cơ giới đường bộ, cầu dành cho người đi bộ, bến xe, bãi đỗ xe.

9. Sở Xây dựng: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Quy hoạch xây dựng và kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao (bao gồm: cấp nước, thoát nước đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao; quản lý chất thải rắn thông thường tại đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng; chiếu sáng đô thị; công viên, cây xanh đô thị; quản lý nghĩa trang, trừ nghĩa trang liệt sỹ; kết cấu hạ tầng giao thông đô thị, không bao gồm việc quản lý khai thác, sử dụng, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đô thị; quản lý xây dựng ngầm đô thị; quản lý sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị); nhà ở; công sở; thị trường bất động sản; vật liệu xây dựng.

10. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thuỷ sản; thuỷ lợi, phòng, chống thiên tai và phát triển nông thôn; các dịch vụ sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

11. Sở Khoa học và Công nghệ: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; sở hữu trí tuệ; ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân; các dịch vụ sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

12. Sở Thông tin và Truyền thông: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Báo chí; xuất bản, in và phát hành; bưu chính; viễn thông; tần số vô tuyến điện; công nghệ thông tin; điện tử; phát thanh và truyền hình; thông tin điện tử; thông tin đối ngoại; bản tin thông tấn; thông tin cơ sở; hạ tầng thông tin truyền thông; quảng cáo trên báo chí, trên môi trường mạng, trên xuất bản phẩm và quảng cáo tích hợp trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin; các dịch vụ sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

13. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao, du lịch và quảng cáo (không bao gồm hoạt động quảng cáo quy định tại Khoản 12 Điều này); việc sử dụng Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca và chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh; các dịch vụ sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

Các tỉnh, thành phố thành lập Sở Du lịch thì đổi tên Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành Sở Văn hóa và Thể thao và điều chỉnh chức năng của sở này cho phù hợp.

14. Sở Giáo dục và Đào tạo: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo (bao gồm các trường sư phạm) ở địa phương và các dịch vụ sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

15. Sở Y tế: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh; phục hồi chức năng; giám định y khoa, pháp y; y dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; bảo hiểm y tế; dân số và công tác y tế khác trên địa bàn; chủ trì tham mưu quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn; các dịch vụ sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

16. Thanh tra tỉnh: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; công tác tiếp dân; tiến hành thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

17. Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về: Chương trình, kế hoạch công tác; kiểm soát thủ tục hành chính; tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã; tổ chức, quản lý và công bố các thông tin chính thức về hoạt động của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đầu mối Cổng thông tin điện tử, kết nối hệ thống thông tin hành chính điện tử phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; quản lý công báo và phục vụ các hoạt động chung của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo thẩm quyền; quản lý công tác quản trị nội bộ của Văn phòng.

18. Sở Ngoại vụ: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Công tác đối ngoại của địa phương; các dịch vụ sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

19. Ban Dân tộc: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: Công tác dân tộc; các dịch vụ sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

20. Sở Du lịch: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về du lịch; các dịch vụ sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

21. Sở Quy hoạch - Kiến trúc (được thành lập tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh): Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng, quy hoạch kiến trúc.

Điều 9. Các sở được tổ chức thống nhất, thực hiện hợp nhất, sáp nhập và thành lập theo tiêu chí

1. Các sở được tổ chức thống nhất ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, gồm: Sở Tư pháp; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Y tế.

2. Các sở do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định việc giữ ổn định hoặc hợp nhất, gồm: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Giao thông vận tải; Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công Thương; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (hoặc Sở Văn hóa, Thể thao).

a) Trường hợp hợp nhất Sở Kế hoạch và Đầu tư với Sở Tài chính thì tên sở mới là Sở Tài chính - Kế hoạch thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của 02 sở đang thực hiện theo quy định;

b) Trường hợp hợp nhất Sở Giao thông vận tải với Sở Xây dựng thì tên sở mới là Sở Giao thông vận tải - Xây dựng, thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của 02 sở đang thực hiện theo quy định;

c) Trường hợp hợp nhất Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với Sở Công Thương thì tên sở mới là Sở Công nghiệp, Nông nghiệp và Thương mại thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của 02 sở đang thực hiện theo quy định;

d) Trường hợp hợp nhất Sở Thông tin và Truyền thông với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa, Thể thao thì tên sở mới là Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa, Thông tin và Thể thao thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của 02 sở đang thực hiện theo quy định;

đ) Trường hợp hợp nhất Sở Khoa học và Công nghệ với Sở Giáo dục và Đào tạo thì tên sở mới là Sở Giáo dục và Khoa học, công nghệ thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của 02 sở đang thực hiện theo quy định.

3. Các sở đặc thù, chuyên ngành được thành lập theo tiêu chí, gồm:

a) Ban Dân tộc được thành lập khi đảm bảo đủ các tiêu chí sau:

- Có trên 20.000 (hai mươi nghìn) người dân tộc thiểu số sống tập trung thành cộng đồng làng, bản.

- Có trên 5.000 (năm nghìn) người dân tộc thiểu số đang cần Nhà nước tập trung giúp đỡ, hỗ trợ phát triển.

- Có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở địa bàn xung yếu về an ninh, quốc phòng; địa bàn xen canh, xen cư; biên giới có đông đồng bào dân tộc thiểu số nước ta và nước láng giềng thường xuyên qua lại.

Đối với những tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống nhưng không đủ tiêu chí thành lập Ban Dân tộc thì được thành lập Phòng Dân tộc (hoặc bố trí công chức) làm công tác dân tộc thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Sở Ngoại vụ được thành lập khi đáp ứng một trong hai tiêu chí sau:

- Có cửa khẩu quốc tế đường bộ hoặc cửa khẩu quốc tế đường hàng không hoặc cảng biển quốc tế.

- Có đủ các điều kiện sau: Có từ 500 dự án đầu tư nước ngoài hoặc có tổng vốn đầu tư nước ngoài đạt trên 100.000 tỷ đồng Việt Nam đã và đang hoạt động có hiệu quả tại địa phương; có trên 4.000 người nước ngoài hiện đang sinh sống và làm việc tại địa phương; có kim ngạch xuất nhập khẩu hàng năm đạt từ 100.000 tỷ đồng Việt Nam trở lên; đã ký kết thỏa thuận về hợp tác hữu nghị với 5 địa phương trở lên tại các quốc gia trên thế giới.

Những tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không đủ tiêu chí thành lập Sở Ngoại vụ thì được thành lập Phòng Ngoại vụ thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) Sở Du lịch được thành lập khi đáp ứng đủ các tiêu chí sau:

- Có di sản văn hóa vật thể được tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa của Liên hiệp quốc UNESCO ghi danh là Di sản thế giới hoặc có tài nguyên và tiềm năng du lịch nổi trội (có khu du lịch quốc gia, điểm du lịch quốc gia hoặc đô thị du lịch, điểm tham quan, nghỉ dưỡng có quy mô lớn, nổi bật);

- Ngành du lịch được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và có giá trị kinh tế từ du lịch đóng góp vào GDP hàng năm của địa phương với tỷ trọng từ 10% trở lên trong 5 năm liên tục.

d) Căn cứ vào yêu cầu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định việc sáp nhập, thành lập hoặc không thành lập (kể cả khi đáp ứng đủ tiêu chí thành lập) đối với các sở quy định tại Điểm a, Điểm b và Điểm c Khoản này.

Trường hợp sáp nhập hoặc không thành lập Ban Dân tộc, Sở Ngoại vụ thì giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (hoặc Văn phòng Chính quyền địa phương cấp tỉnh) thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực ngoại vụ và dân tộc.

Trường hợp sáp nhập hoặc không thành lập Sở Du lịch thì giao Sở Văn hóa, Thể thao (hoặc Sở Văn hóa, Thông tin và Thể thao) thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước

về lĩnh vực du lịch và đổi tên sở này thành Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (hoặc Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch).

4. Đối với thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, trường hợp sáp nhập Sở Quy hoạch - Kiến trúc vào Sở Xây dựng thì giao Sở Xây dựng (hoặc Sở Giao thông, Xây dựng và Phát triển đô thị) thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực quy hoạch và kiến trúc.

5. Các sở được thành lập hoặc thí điểm hợp nhất

a) Sở Nội vụ, trường hợp địa phương thực hiện thí điểm hợp nhất với Ban Tổ chức tỉnh ủy (thành ủy) theo Nghị quyết 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (sau đây gọi chung là Nghị quyết 18-NQ/TW) thì có tên gọi là Sở Tổ chức - Nội vụ, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức nêu trên theo quy định của Đảng và của pháp luật.

b) Thanh tra tỉnh, trường hợp địa phương thực hiện thí điểm hợp nhất với Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy (thành ủy) theo Nghị quyết 18-NQ/TW thì có tên gọi là Kiểm tra - Thanh tra tỉnh, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức nêu trên theo quy định của Đảng và của pháp luật.

c) Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trường hợp địa phương thực hiện thí điểm hợp nhất với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thành một văn phòng tham mưu, giúp việc chung theo Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả thì có tên gọi là Văn phòng địa phương cấp tỉnh, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức nêu trên theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Khung số lượng các sở

Phương án 1:

1. Việc hợp nhất, sáp nhập, thành lập hoặc không thành lập các sở theo quy định tại Điều 9 Nghị định này, bảo đảm không vượt quá số lượng sở hiện có và phù hợp với khung số lượng sở như sau:

a) Không quá 20 sở đối với thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh;

b) Không quá 19 sở đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh loại I;

c) Không quá 18 sở đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh loại II;

d) Không quá 17 sở đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh loại III.

2. Trường hợp hợp nhất, sáp nhập các sở để tinh gọn tổ chức bộ máy, điều chỉnh chức năng giữa các sở khác với quy định tại Nghị định này thì Ủy ban nhân cấp tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Phương án 2:

1. Việc hợp nhất, sáp nhập, thành lập hoặc không thành lập các sở theo quy định tại Điều 9 Nghị định này, bảo đảm không vượt quá số lượng sở hiện có và phù hợp với khung số lượng sở như sau:

a) Không quá 20 sở đối với thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh;

b) Không quá 18 sở đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh loại I;

c) Không quá 17 sở đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh loại II và loại III.

2. Trường hợp hợp nhất, sáp nhập các sở để tinh gọn tổ chức bộ máy, điều chỉnh chức năng giữa các sở khác với quy định tại Nghị định này thì Ủy ban nhân cấp tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Phương án 3:

1. Việc hợp nhất, sáp nhập, thành lập hoặc không thành lập các sở theo quy định tại Điều 9 Nghị định này, bảo đảm tổng số lượng sở sau khi sắp xếp không vượt quá số lượng sở hiện có tại thời điểm tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Trường hợp hợp nhất, sáp nhập các sở để tinh gọn tổ chức bộ máy, điều chỉnh chức năng giữa các sở khác với quy định tại Nghị định này thì Ủy ban nhân cấp tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

(Trong các phương án về khung số lượng sở nêu trên, Bộ Nội vụ đề xuất chọn phương án 1).

Điều 11. Đơn vị sự nghiệp công lập

Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, thuộc chi cục thuộc sở được thành lập phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

Chương III
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BỘ TRƯỞNG, THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN NGANG BỘ VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH

Điều 12. Bộ trưởng Bộ Nội vụ

1. Trình Chính phủ quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các sở thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp có sự thay đổi về đơn vị hành chính cấp tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ quản lý ngành, lĩnh vực đề xuất với Chính phủ về phân công chức năng quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực và kiện toàn cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Hướng dẫn chung về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý của các sở và các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hợp nhất, sáp nhập các sở để tinh gọn tổ chức bộ máy, điều chỉnh chức năng giữa các sở khác với quy định tại Nghị định này; quyết định hợp nhất, sáp nhập các phòng chuyên môn để tinh gọn tổ chức bộ máy, điều chỉnh chức năng giữa các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện khác với Nghị định quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền.

Điều 13. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ

1. Chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ đối với sở theo ngành, lĩnh vực.

2. Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và của chi cục thuộc sở về ngành, lĩnh vực.

3. Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực thuộc sở, thuộc chi cục thuộc sở.

Điều 14. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Căn cứ quy định tại Nghị định này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định việc hợp nhất (thí điểm hợp nhất), sáp nhập, thành lập hoặc không thành lập các sở phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước ở địa phương, bảo đảm không vượt số lượng sở theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.

2. Căn cứ vào yêu cầu quản lý nhà nước ở địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thành lập hoặc không thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Văn phòng Chính quyền địa phương cấp tỉnh. Đối với những địa phương đang thực hiện thí điểm Trung tâm hành chính công trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì tiếp tục thực hiện theo mô hình thí điểm này trong thời hạn quy định.

3. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của sở và quyết định cụ thể số lượng Phó Giám đốc của từng sở theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực. Báo cáo Bộ Nội vụ để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hợp nhất, sáp nhập các sở để tinh gọn tổ chức bộ máy, điều chỉnh chức năng giữa các sở khác với quy định tại Nghị định này.

4. Căn cứ tiêu chí quy định tại Điều 5 Nghị định này, quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc sở và chi cục thuộc sở (nếu có), bảo đảm không vượt quá số lượng tổ chức hiện có tại thời điểm thực hiện Nghị định này.

5. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, thuộc chi cục thuộc sở theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo quy định của pháp luật.

6. Quy định cụ thể tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý của các sở, các tổ chức, đơn vị thuộc sở; tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo quản lý của các cơ quan

chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, bảo đảm phù hợp với quy định định của pháp luật và hướng dẫn chung của Bộ Nội vụ.

7. Quản lý về tổ chức bộ máy; vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

8. Quyết định phân cấp, ủy quyền cho sở; phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Báo cáo Bộ Nội vụ để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hợp nhất, sáp nhập các phòng chuyên môn để tinh gọn tổ chức bộ máy, điều chỉnh chức năng giữa các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện khác với Nghị định quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 15. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và số lượng cấp phó của người đứng đầu chi cục thuộc sở theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, bảo đảm không vượt quá số lượng tổ chức hiện có của chi cục thuộc sở tại thời điểm thực hiện Nghị định này.

2. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục thuộc sở (nếu có) phù hợp với hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

3. Bổ nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc sở theo quy định của pháp luật.

4. Quy định cho Giám đốc sở bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý của các tổ chức, đơn vị thuộc sở theo quy định của pháp luật và theo phân cấp, ủy quyền của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền.

5. Hàng năm, báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của sở với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2018, thay thế Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Thông tư hướng dẫn của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện phải phù hợp với quy định tại Nghị định này.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định này trong năm 2018.

4. Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi thẩm quyền được giao. Trường hợp làm trái với quy định tại Nghị định này sẽ bị xem xét xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật; đưa vào xem xét phân loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm và tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo các hình thức kỷ luật đối với cán bộ, công chức theo quy định.

5. Trường hợp sắp xếp tổ chức làm tăng số lượng cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị so với quy định tại Nghị định này thì trong thời hạn 03 năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sắp xếp, bố trí để giảm số lượng cấp phó, bảo đảm phù hợp với quy định tại Nghị định này; chỉ được bổ sung khi số lượng cấp phó thấp hơn quy định tại Nghị định này.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Cổng TTĐT;
- Các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3b).

BỘ NỘI VỤ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: /TTr-BNV	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Hà Nội, ngày tháng năm 2018

Dự thảo ngày
10/4/2018

TỜ TRÌNH

Về việc hoàn thiện Nghị định của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao, Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định). Sau khi tiếp thu, tổng hợp ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ đã có Tờ trình số 2090/TTr-BNV ngày 19/4/2017 trình Chính phủ dự thảo Nghị định nêu trên (sau đây gọi tắt là Tờ trình số 2090/TTr-BNV).

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 18-NQ/TW), Kế hoạch số 07-KH/TW ngày 27/11/2017 của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII (sau đây viết tắt là Kế hoạch số 07-KH/TW) và Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 56/2017/QH14), Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18/NQ-CP, Bộ Nội vụ đã hoàn thiện dự thảo Nghị định, trình Chính phủ như sau:

I. QUAN ĐIỂM HOÀN THIỆN DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Thể chế hóa các chủ trương của Đảng và cụ thể hóa các quy định của Quốc hội về tổ chức bộ máy nhà nước, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, thống nhất trong quá trình thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn trong việc tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương.

2. Kế thừa những quy định hợp lý về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tại Nghị định số 37/2014/NĐ-CP, xây dựng danh mục tên gọi và chức năng của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện. Trên cơ sở đó, quy định khung số lượng các cơ quan chuyên môn được tổ chức thống nhất, quy định rõ tiêu chí thành lập đối với các cơ quan chuyên môn đặc thù; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan chuyên môn, bảo đảm sự thống nhất trong phân công quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực của các Bộ, cơ quan ngang Bộ ở Trung ương và đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền, không nhất thiết ở Trung ương có Bộ, cơ quan ngang Bộ, ở cấp tỉnh có các sở, Ban ngành nào thì cấp huyện có phòng chuyên môn tương ứng.

3. Quy định khung việc hợp nhất, sáp nhập hoặc không thành lập đối với một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện để thực hiện tinh gọn bộ máy, làm cơ sở cho địa phương trong việc quyết định thành lập, hợp nhất, sáp nhập hoặc không thành lập một số cơ quan chuyên môn, bảo đảm phù hợp với đặc thù và yêu cầu quản lý nhà nước của từng địa phương.

4. Quy định rõ khung số lượng cấp phó của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, giao cho địa phương quyết định cụ thể đối với từng phòng, bảo đảm phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương.

II. VỀ KẾT CẤU CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định có 04 Chương với 15 Điều (thêm một điều so với Nghị định số 37/2014/NĐ-CP), cụ thể như sau:

- Chương I: Những quy định chung, bao gồm 06 điều (từ Điều 1 đến Điều 6), trong đó xác định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; nguyên tắc tổ chức và hoạt động; vị trí và chức năng; nhiệm vụ và quyền hạn; người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu; chế độ làm việc của cơ quan chuyên môn và người đứng đầu.

- Chương II: Quy định về danh mục và tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, bao gồm 04 điều (từ Điều 7 đến Điều 10), trên cơ sở danh mục 15 phòng chuyên môn (trong đó có 02 phòng được tổ chức phù hợp với đặc điểm đô thị và nông thôn) tại Điều 7 (kế thừa quy định tại Nghị định số 37/2014/NĐ-CP), dự thảo Nghị định quy định khung, gồm: 05 phòng chuyên môn được tổ chức thống nhất trong phạm vi cả nước; 02 phòng chuyên môn được giữ ổn định hoặc hợp nhất; 02 phòng môn được giữ ổn định hoặc sáp nhập, thành lập hoặc không thành lập; 02 phòng được tổ chức phù hợp với với từng loại hình đơn vị hành chính cấp huyện (đô thị, nông thôn); đồng thời quy định một khoản riêng về tổ chức các cơ quan chuyên môn đối với các huyện đảo; quy định một khoản về các phòng được giữ ổn định hoặc thí điểm hợp nhất với các cơ quan

của Đảng có chức năng, nhiệm vụ tương đồng ở cấp huyện; quy định một điều về khung số lượng các phòng chuyên môn và việc hợp nhất, sáp nhập các phòng chuyên môn để tinh gọn tổ chức bộ máy, điều chỉnh chức năng giữa các phòng chuyên môn khác với quy định tại Nghị định (Điều 9).

- Chương III: Quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với cơ quan chuyên môn cấp huyện, bao gồm 03 điều (từ Điều 10 đến Điều 12).

- Chương IV: Điều khoản thi hành, bao gồm 02 điều (Điều 13, Điều 14) quy định về hiệu lực thi hành, trách nhiệm thi hành.

III. NHỮNG NỘI DUNG MỚI THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT SỐ 18-NQ/TW

1. Về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của phòng (Điều 2)

Hoàn thiện lại Khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị định quy định về *"Khung số lượng biên chế tối thiểu để thành lập phòng là từ 07 người trở lên đối với quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh và 05 biên chế đối với quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc các tỉnh, thành phố còn lại"* (bổ sung vào cuối Khoản 1 Điều 2 của dự thảo), bảo đảm phù hợp với tinh thần tại Nghị quyết số 18-NQ/TW về "quy định biên chế tối thiểu để thành lập tổ chức" và *phù hợp với lộ trình thực hiện tinh giản biên chế của địa phương.*

2. Về số lượng Phó Trưởng phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (Điều 5)

- Phương án 1:

+ Đối với phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh: Phòng có từ 07 đến 09 biên chế được bố trí 01 Phó Trưởng phòng; phòng có từ 10 đến 14 biên chế được bố trí không quá 02 Phó Trưởng phòng; phòng có từ 15 biên chế trở lên được bố trí không quá 03 Phó Trưởng phòng.

+ Đối với phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương còn lại: Phòng có từ 05 đến 07 biên chế được bố trí 01 Phó Trưởng phòng; phòng có từ 08 biên chế trở lên được bố trí không quá 02 Phó Trưởng phòng;

- Phương án 2:

"Quy định thống nhất mỗi phòng bình quân có không quá 02 Phó Trưởng phòng. Căn cứ vào số lượng phòng chuyên môn được thành lập và tổng số Phó Trưởng phòng, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cụ thể số lượng Phó Trưởng phòng của từng phòng chuyên môn cho phù hợp".

Trong 02 phương án về số lượng Phó Trưởng phòng nêu trên, Bộ Nội vụ đề xuất chọn phương án 1.

3. Về danh mục phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (Điều 7)

Trên cơ sở kế thừa những quy định còn phù hợp về tổ chức và chức năng của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tại Nghị định số 37/2014/NĐ-CP, dự thảo Nghị định quy định một Điều về danh mục phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, gồm 15 phòng, trong đó bổ sung, điều chỉnh về chức năng của một số phòng như sau:

- Đối với Phòng Nội vụ (Khoản 1 Điều 7): Bổ sung thêm chức năng quản lý nhà nước về *"tín ngưỡng"*, bảo đảm phù hợp với phân công quản lý nhà nước về tín ngưỡng đối với Bộ Nội vụ theo Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo; bổ sung cụm từ *"ở thôn, tổ dân phố"* để bao quát đối tượng quản lý là những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

- Đối với Phòng Tài nguyên và Môi trường (Khoản 4 Điều 7): Bỏ cụm từ "đa dạng sinh học" để phù hợp với phân công của Chính phủ về quản lý nhà nước đối với lĩnh vực tài nguyên và môi trường quy định tại Điều 1 Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Đối với Thanh tra huyện (Khoản 8 Điều 7): Bổ sung cụm từ *"tiếp công dân"* để thống nhất với phân công của Chính phủ về quản lý nhà nước đối với lĩnh vực tiếp công dân quy định tại Điều 1 Nghị định số 83/2012/NĐ-CP ngày 09/10/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ.

+ Đối với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện Khoản 9 Điều 7:

Để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong việc triển khai thi hành Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính (sau đây gọi tắt là Nghị định số 92/2017/NĐ-CP), Bộ Nội vụ hoàn thiện chức năng của tổ chức Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện (dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 37/2014/NĐ-CP) như sau:

Hoàn thiện lại quy định tại Khoản 9 Điều 7 dự thảo Nghị định bảo đảm phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 92/2017/NĐ-CP như sau: "9. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện: Tham mưu tổng hợp cho Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân về: Hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân về chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân; kiểm soát thủ tục hành chính; cung cấp thông tin phục vụ quản lý và hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các cơ quan nhà nước ở địa phương; bảo đảm cơ sở vật chất, kỹ

thuật cho hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; *trực tiếp quản lý và chỉ đạo hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện;* hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ chức trên tất cả các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện, chuyển hồ sơ đến các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết và nhận kết quả để trả cho cá nhân, tổ chức.

Đối với đơn vị hành chính cấp huyện có đường biên giới lãnh thổ quốc gia trên đất liền, trên biển và hải đảo, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác ngoại vụ, biên giới.

4. Về tổ chức các phòng (Điều 8, Điều 9)

Nghị quyết số 18-NQ/TW, Kế hoạch số 07-KH/TW đặt ra yêu cầu xác định tiêu chí thành lập đối với một tổ chức ở địa phương, đồng thời quy định khung cơ quan chuyên môn thuộc Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện. Căn cứ quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các nhiệm vụ chung về phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật; theo đó, cần có cơ quan chuyên môn để tham mưu, giúp Uỷ ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực. Riêng lĩnh vực có tính chất đặc thù, chuyên ngành có yêu cầu quản lý phù hợp với đặc điểm của địa phương (lĩnh vực dân tộc) cần có tiêu chí để xem xét quyết định thành lập cơ quan chuyên môn cho phù hợp. Vì vậy, trên cơ sở xác định danh mục các phòng chuyên môn tại Điều 7 nêu trên, Bộ Nội vụ đề xuất phương án sắp xếp, kiện toàn các phòng chuyên môn hiện có và xác định tiêu chí thành lập đối với các cơ quan chuyên môn đặc thù, chuyên ngành, cụ thể như sau:

a) Về phân nhóm phòng chuyên môn

Trên cơ sở tên gọi, chức năng của các phòng chuyên môn quy định tại Nghị định 37/2014/NĐ-CP (có điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với phân công của Chính phủ về chức năng quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực của các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong nhiệm kỳ 2016-2021), Bộ Nội vụ đề xuất phân loại thành các nhóm phòng chuyên môn như sau:

- Đối với 10 phòng chuyên môn được tổ chức thống nhất trong cả nước hiện nay, chia thành 03 nhóm sau:

+ Nhóm 1 (Khoản 1 Điều 8): Các phòng được tổ chức thống nhất trên phạm vi cả nước, gồm 05 phòng chuyên môn: Tư pháp; Tài chính – Kế hoạch; Tài nguyên và Môi trường; Văn hóa và Thông tin; Giáo dục và Đào tạo để bảo đảm giữ ổn định và phát huy hiệu quả của mô hình tổ chức phòng quản lý đa ngành, đa lĩnh vực hoặc quản lý chuyên ngành chuyên sâu có tính ổn định cao.

+ Nhóm 2 (Khoản 2 Điều 8): Các phòng chuyên môn do Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định giữ ổn định hoặc hợp nhất, gồm 02 phòng chuyên môn: Nội vụ; Lao động – Thương binh và Xã hội.

Trường hợp hợp nhất Phòng Nội vụ với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thì có tên gọi là Phòng Nội vụ, Lao động và Xã hội;

+ Nhóm 3 (Điểm a Khoản 3 Điều 8): 01 phòng chuyên môn do Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định giữ ổn định hoặc sáp nhập (Phòng Y tế).

- Đối với 03 phòng chuyên môn được tổ chức phù hợp với đặc điểm đô thị, nông thôn và đặc thù, chuyên ngành (không được tổ chức thống nhất giữa các địa phương):

+ Các phòng chuyên môn được tổ chức phù hợp với đặc điểm đô thị, nông thôn (Khoản 4 và Khoản 5 Điều 8), gồm 02 phòng: Kinh tế; Quản lý đô thị (đối với các quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương) hoặc Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kinh tế và Hạ tầng (đối với các huyện).

Riêng đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có tốc độ đô thị hóa cao, có tỷ trọng nông nghiệp thấp, không thành lập Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì 02 phòng chuyên môn đặc thù này được tổ chức thống nhất theo mô hình đơn vị hành chính quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương.

Trường hợp ở cấp tỉnh vẫn có Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhưng tại các huyện trong tỉnh có tốc độ đô thị hóa cao, có tỷ trọng nông nghiệp thấp, Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định việc thành lập hoặc không thành lập Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong trường hợp không thành lập Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì giao nhiệm vụ cho Phòng Kinh tế và Hạ tầng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

+ 01 Phòng chuyên môn đặc thù, chuyên ngành (Điểm b Khoản 3 Điều 8) do Chính phủ quy định tiêu chí thành lập (Phòng Dân tộc); giao Ủy ban nhân nhân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định thành lập hoặc sáp nhập hoặc không thành lập (kể cả khi đã đáp ứng đủ các tiêu chí thành lập).

- Quy định về tổ chức các phòng chuyên môn tại các huyện đảo giữ ổn định như quy định tại Nghị định số 37/2014/NĐ-CP là *không quá 10 phòng*. Căn cứ vào các điều kiện cụ thể của từng huyện đảo, giao Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định số lượng và tên gọi các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện đảo (Khoản 6 Điều 8).

- Về các phòng được giữ ổn định hoặc thí điểm hợp nhất với các cơ quan của Đảng có chức năng, nhiệm vụ tương đồng ở cấp huyện (Khoản 7 Điều 8):

+ Thanh tra huyện, trường hợp địa phương thực hiện thí điểm hợp nhất Ủy ban Kiểm tra huyện ủy (quận ủy, thị ủy, thành ủy) với Thanh tra huyện theo Nghị quyết 18-NQ/TW thì có tên gọi là Kiểm tra - Thanh tra huyện, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức nêu trên theo quy định của Đảng và của pháp luật (Khoản 1 Điều 9).

+ Phòng Nội vụ, tường hợp địa phương thực hiện thí điểm hợp nhất Ban Tổ chức huyện ủy (quận ủy, thị ủy, thành ủy) với Phòng Nội vụ theo Nghị quyết 18-NQ/TW thì có tên gọi là Phòng Tổ chức - Nội vụ hoặc thí điểm hợp nhất với Phòng Nội vụ, Lao động và Xã hội thì có tên gọi là Phòng Tổ chức, Nội vụ, Lao động và Xã hội, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức nêu trên theo quy định của Đảng và của pháp luật (Khoản 2 Điều 9).

+ Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, trường hợp địa phương thực hiện thí điểm hợp nhất Văn phòng cấp uỷ với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện theo Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW thì có tên gọi là Văn phòng Đảng, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức nêu trên theo quy định của Đảng và của pháp luật (Khoản 3 Điều 9).

Trên cơ sở phân nhóm các phòng chuyên môn, dự thảo Nghị định quy định theo hướng giao cho địa phương quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng phòng chuyên môn, bảo đảm phù hợp với quy định khung của Chính phủ, *quy định của Thủ tướng Chính phủ (trong trường hợp hợp nhất, sáp nhập các phòng chuyên môn để tinh gọn tổ chức bộ máy, điều chỉnh chức năng giữa các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện khác với quy định tại Nghị định này)* và hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực về nhiệm vụ, quyền hạn của phòng chuyên môn ở cấp huyện.

b) Về khung số lượng phòng chuyên môn (Điều 9)

Căn cứ vào phân nhóm phòng chuyên môn và thẩm quyền quyết định thành lập phòng chuyên môn nêu trên, Bộ Nội vụ đề xuất 02 phương án về khung số lượng phòng chuyên môn như sau:

- Phương án 1: Quy định tổng số lượng phòng chuyên sau khi thực hiện việc hợp nhất, sáp nhập, thành lập hoặc không thành lập theo quy định tại Điều 8, giữ ổn định hoặc thí điểm hợp nhất theo quy định tại Điều 9, bảo đảm không vượt quá số lượng phòng chuyên môn hiện có và khung số lượng phòng chuyên môn của từng địa phương theo phân loại đơn vị hành chính cấp huyện như sau:

+ Đối với đơn vị hành chính loại I (217 đơn vị): Không quá 12 phòng

+ Đối với đơn vị hành chính loại II (352 đơn vị): Không quá 11 phòng

+ Đối với đơn vị hành chính loại III (134 đơn vị) và huyện đảo: Không quá 10 phòng.

Thực hiện theo phương án 1 thì sẽ bảo đảm được sự thống nhất về tên gọi và phân công chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực của các phòng chuyên môn; đồng thời đáp ứng được yêu cầu sắp xếp tổ chức các phòng chuyên môn tinh gọn hơn, hạn chế sự cào bằng về số lượng tổ chức các phòng chuyên môn giữa các đơn vị hành chính cấp huyện.

- Phương án 2:

Quy định tổng số lượng phòng chuyên môn sau khi thực hiện việc hợp nhất, sáp nhập, thành lập hoặc không thành lập, giữ ổn định hoặc thí điểm hợp nhất theo quy định tại Điều 8, bảo đảm không vượt quá số lượng phòng chuyên môn hiện có tại thời điểm tổ chức thực hiện Nghị định.

Thực hiện theo phương án 2 thì sẽ bảo đảm được sự thống nhất về tên gọi và phân công chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực của các phòng chuyên môn như phương án 1, nhưng chưa đặt ra yêu cầu cao đối với địa phương trong việc chủ động sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn theo hướng tinh gọn.

Trong 02 phương án nêu trên, Bộ Nội vụ đề xuất chọn phương án 1.

- Về việc hợp nhất, sáp nhập các phòng để tinh gọn tổ chức bộ máy, điều chỉnh chức năng giữa các phòng bảo đảm phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương nhưng khác với quy định tại Nghị định:

Để bảo đảm phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương, không bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các phòng và khuyến khích địa phương thực hiện việc sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy hơn so với quy định tại Nghị định. Dự thảo Nghị định bổ sung quy định tại Khoản 2 Điều 9 như sau:

"Trường hợp hợp nhất, sáp nhập các phòng chuyên môn để tinh gọn tổ chức bộ máy, điều chỉnh chức năng giữa các phòng chuyên môn khác với quy định tại Nghị định này thì Ủy ban nhân cấp tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định."

5. Một số nội dung mới khác

a) Về chế độ làm việc của phòng

Bổ sung cụm từ "kết hợp với chế độ chuyên viên" tại Khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị định để hoàn thiện quy định về chế độ làm việc theo hướng: Chế độ thủ trưởng kết hợp với chế độ chuyên viên, bảo đảm phù hợp với chế độ làm việc của cơ quan có thẩm quyền riêng tham mưu quản lý nhà nước chuyên sâu về ngành, lĩnh vực, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu kết hợp với trách nhiệm của từng chuyên viên trong việc tham mưu, đề xuất thực hiện nhiệm vụ theo phân công. Theo đó, đối với các mảng ngành, lĩnh vực không thành lập tổ chức phòng sẽ giao cho chuyên viên trực tiếp tham mưu, giúp việc lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện và chịu trách nhiệm cá nhân trước lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện và trước pháp luật về nội dung nhiệm vụ tham mưu, đề xuất.

b) Về Trung tâm Phục vụ hành chính công

Hiện nay mô hình tổ chức này chưa thống nhất, đang trong quá trình thực hiện thí điểm; trên thực tế yêu cầu của từng địa phương đối với mô hình tổ chức này rất khác nhau. Để hạn chế việc tăng tổ chức bộ máy, nên đặt Trung tâm này trong cơ cấu tổ chức của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện và do địa phương quyết định việc thành lập hoặc không thành lập phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước ở địa phương (các huyện đã được thí điểm thành lập Trung tâm hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thì tiếp tục thực hiện đến khi hết thời hạn thí điểm).

c) Về việc thực hiện chủ trương hợp nhất Văn phòng cấp uỷ với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện ở những nơi có đủ điều kiện theo Nghị quyết số 18-NQ/TW

Việc thể chế hóa quan điểm của Đảng tại Nghị quyết về vấn đề nêu trên liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung Luật tổ chức chính quyền địa phương và các quy định của Đảng về Văn phòng cấp ủy ở cấp huyện. Tuy nhiên, để thực hiện chủ trương tinh gọn bộ máy theo tinh thần Nghị quyết 18-NQ/TW, Bộ Nội vụ bổ sung quy định tại Khoản 7 Điều 8 về các phòng giữ ổn định hoặc thí điểm hợp nhất để các địa phương căn cứ tình hình cụ thể thực hiện việc hợp nhất Văn phòng cấp uỷ với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện ở những nơi đủ điều kiện.

d) Về nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện (Điều 10, Điều 11)

- Bổ sung nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại Khoản 3 Điều 10 trong việc báo cáo Bộ Nội vụ để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hợp nhất, sáp nhập các phòng chuyên môn để tinh gọn tổ chức bộ máy, điều chỉnh chức năng giữa các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện khác với quy định tại Nghị định này. Theo đó, bổ sung chỉnh sửa lại Khoản 2 Điều 11 về thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện cho phù hợp.

- Để thống nhất với quy định về thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với tổ chức các phòng chuyên môn được quy định tại dự thảo Nghị định thì tại Điều 11 dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc trong việc thành lập, hợp nhất, sáp nhập hoặc không thành lập các phòng; quyết định số lượng Phó Trưởng phòng, bảo đảm phù hợp với quy định của Chính phủ, của Thủ tướng Chính phủ (trong trường hợp hợp nhất, sáp nhập các phòng chuyên môn để tinh gọn tổ chức bộ máy, điều chỉnh chức năng giữa các phòng chuyên môn khác với quy định tại Nghị định này), hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của phòng và phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

đ) Về hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện (Điều 13)

- Tại Khoản 3 Điều 13 dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định về trách nhiệm của cơ quan và trách nhiệm của cá nhân người đứng đầu, bảo đảm thực hiện nghiêm các quy định về sắp xếp, tổ chức các cơ quan chuyên môn tại địa phương, cụ thể: Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi thẩm quyền được giao. Trường hợp làm trái với quy định tại Nghị định này, sẽ bị xem xét xử lý trách nhiệm *theo quy định của pháp luật* đưa vào xem xét phân loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm và tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo các hình thức kỷ luật đối với cán bộ, công chức theo quy định.

- Bổ sung Khoản 5 Điều 13 dự thảo Nghị định quy định chuyển tiếp về số lượng cấp phó trong quá trình sắp xếp tổ chức các phòng chuyên môn theo quy định tại Nghị định này như sau: *Trường hợp sắp xếp tổ chức làm tăng số lượng cấp phó của người đứng đầu phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện so với quy định tại Nghị định này thì trong thời hạn 03 năm Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm sắp xếp, bố trí để giảm số lượng cấp phó, bảo đảm phù hợp với quy định tại Nghị định này; chỉ được bổ sung khi số lượng cấp phó thấp hơn quy định tại Nghị định này.*

IV. VỀ QUY TRÌNH BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định đã được trình Chính phủ trước Hội Nghị Trung ương 6 khóa XII; nay dự thảo Nghị định tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW: Quy định khung số lượng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; khung số lượng cấp phó của cơ quan chuyên môn; tiêu chí thành lập phòng đặc thù, chuyên ngành; số lượng biên chế tối thiểu của phòng chuyên môn. Theo đó, phân cấp và giao quyền cho địa phương trong việc giữ ổn định, hợp nhất (thí điểm hợp nhất), sáp nhập, thành lập hoặc không thành lập cơ quan chuyên môn, bảo đảm phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương và tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương.

Theo Kế hoạch số 07- KH/TW, Chính phủ sẽ quy định các nội dung nêu trên theo thẩm quyền, nhưng trước khi ban hành, Ban Cán sự đảng Chính phủ cần báo cáo Bộ Chính trị. Vì vậy, Bộ Nội vụ báo cáo và xin ý kiến của Chính phủ và Bí thư Cán sự đảng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để thực hiện quy trình này.

V. TIẾP THU Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VÀ Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

...

...

VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ

Trong quá trình dự thảo Nghị định còn một số vấn đề có ý kiến khác nhau, Bộ Nội vụ xin ý kiến Chính phủ như sau:

...

...

Trên đây là nội dung báo cáo về việc hoàn thiện dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW (kèm theo dự thảo Nghị định).

Bộ Nội vụ kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để p/hợp);
- Bộ trưởng Lê Vĩnh Tân;
- Thứ trưởng Nguyễn Duy Thăng;
- Lưu: VT, TCBC (05b).

BỘ TRƯỞNG

Lê Vĩnh Tân

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2018/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày tháng năm 2018*

Dự thảo ngày
10/4/2018

NGHỊ ĐỊNH

Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện).

2. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện gồm có phòng và cơ quan tương đương phòng (sau đây gọi chung là phòng).

3. Các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan của Trung ương được tổ chức theo ngành dọc, cơ quan của sở và cơ quan tương đương sở thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là sở) đặt tại huyện không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định này.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của phòng

1. Tổ chức phòng quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, tinh gọn, hợp lý, hiệu lực, hiệu quả theo yêu cầu cải cách hành chính; không nhất thiết ở cấp tỉnh có sở nào thì cấp huyện có tổ chức tương ứng. Phòng thành lập khi đáp ứng yêu cầu được bố trí tối thiểu là từ *07 biên chế đối với quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc*

Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh và 05 biên chế đối với quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc các tỉnh, thành phố còn lại.

2. Bảo đảm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp huyện phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo và điều kiện, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương; bảo đảm sự thống nhất, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực từ trung ương đến cơ sở.

3. Không trùng lặp chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn với các tổ chức của cơ quan Trung ương và của sở đặt tại cấp huyện và giữa các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 3. Vị trí và chức năng của phòng

1. Phòng là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương theo quy định của pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân cấp, uỷ quyền của cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Phòng có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân cấp huyện, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của phòng

1. Trình Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Dự thảo quyết định; quy hoạch, kế hoạch phát triển trung hạn và hàng năm của huyện; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao;

b) Dự thảo quyết định việc phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực cho phòng, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã);

c) Dự thảo quyết định quy định về tổ chức bộ máy và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của phòng.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân dự thảo quyết định và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công.

3. Trực tiếp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn thuộc ngành, lĩnh vực quản lý, gồm:

a) Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được giao;

b) Thẩm định, đăng ký, cấp các loại giấy phép theo quy định của pháp luật và theo phân cấp hoặc ủy quyền của cơ quan nhà nước cấp trên;

c) Quản lý tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và tổ chức phi chính phủ hoạt động trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý;

d) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý đối với chức danh chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã;

đ) Kiểm tra theo ngành, lĩnh vực theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền đối với tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí theo quy định của pháp luật;

e) Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ;

g) Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, sở quản lý ngành, lĩnh vực và các cơ quan nhà nước khác khi có yêu cầu.

4. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nội bộ, gồm:

a) Quản lý tổ chức bộ máy; vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật, đối với công chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Quản lý và tổ chức sử dụng có hiệu quả công sở, tài sản, các phương tiện làm việc, tài chính và ngân sách được giao theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của cơ quan nhà nước cấp trên.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của cơ quan nhà nước cấp trên, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 5. Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu

1. Người đứng đầu phòng là Ủy viên Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau đây gọi chung là Trưởng phòng), lãnh đạo công tác của phòng; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của phòng và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Cấp phó của người đứng đầu phòng (sau đây gọi chung là Phó Trưởng phòng) giúp Trưởng phòng thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do

Trưởng phòng phân công và chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm thay Trưởng phòng điều hành các hoạt động của phòng.

3. Số lượng Phó Trưởng phòng được xác định theo tiêu chí như sau:

Phương án 1:

a) Đối với phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh: Phòng có từ 07 đến 09 biên chế được bố trí 01 Phó Trưởng phòng; Phòng có từ 10 đến 14 biên chế được bố trí không quá 02 Phó Trưởng phòng; Phòng có từ 15 biên chế trở lên được bố trí không quá 03 Phó Trưởng phòng.

b) Đối với phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương còn lại: Phòng có *từ 05 đến 07* biên chế được bố trí 01 Phó Trưởng phòng; Phòng có từ *08* biên chế trở lên được bố trí không quá 02 Phó Trưởng phòng.

Phương án 2:

Quy định thống nhất mỗi phòng bình quân có không quá 02 Phó Trưởng phòng. Căn cứ vào số lượng phòng chuyên môn được thành lập và tổng số lượng Phó Trưởng phòng, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cụ thể số lượng Phó Trưởng phòng của từng phòng chuyên môn cho phù hợp.

Trong 02 phương án về số lượng Phó Trưởng phòng nêu trên, Bộ Nội vụ đề xuất chọn phương án 1.

4. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Chế độ làm việc và trách nhiệm của Trưởng phòng

1. Phòng làm việc theo chế độ thủ trưởng kết hợp với *chế độ chuyên viên* và theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân cấp huyện; bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ.

2. Căn cứ các quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Trưởng phòng ban hành Quy chế làm việc của phòng và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện.

3. Trưởng phòng chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của phòng và các công việc được Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phân công, phân cấp hoặc ủy quyền; thực hiện các công việc của Ủy

viên Ủy ban nhân dân theo quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền thì Trưởng phòng chủ động hoặc phối hợp với Trưởng phòng có liên quan để hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định; không chuyển công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của phòng lên Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm khi để xảy ra tham nhũng, lãng phí, gây thiệt hại trong tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý.

4. Trưởng phòng có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và sở quản lý ngành, lĩnh vực về tổ chức, hoạt động của cơ quan mình; báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện khi được yêu cầu; cung cấp tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân cấp huyện; trả lời kiến nghị của cử tri, chất vấn của Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện về những vấn đề trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý; phối hợp với các Trưởng phòng khác, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ của phòng.

Chương II

DANH MỤC VÀ TỔ CHỨC CÁC PHÒNG THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

Điều 7. Danh mục các phòng

1. Phòng Nội vụ: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Tổ chức bộ máy; vị trí việc làm; biên chế công chức và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; cải cách hành chính; chính quyền địa phương; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; hội, tổ chức phi chính phủ; văn thư, lưu trữ nhà nước; tôn giáo, *tín ngưỡng*; công tác thanh niên; thi đua - khen thưởng.

2. Phòng Tư pháp: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Công tác xây dựng và thi hành pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý, nuôi con nuôi, hộ tịch, chứng thực, bồi thường nhà nước và các công tác tư pháp khác

theo quy định của pháp luật; quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Tài chính; kế hoạch và đầu tư; đăng ký kinh doanh; tổng hợp và thống nhất quản lý các vấn đề về doanh nghiệp, hợp tác xã, kinh tế tư nhân.

4. Phòng Tài nguyên và Môi trường: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản; môi trường; biển và hải đảo (đối với các huyện có biển, đảo); biến đổi khí hậu.

5. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Việc làm; giáo dục nghề nghiệp; lao động, tiền lương; tiền công; bảo hiểm xã hội (bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm hưu trí); bảo hiểm thất nghiệp; an toàn lao động; người có công; bảo trợ xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội.

6. Phòng Văn hóa và Thông tin: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; quảng cáo; bưu chính; viễn thông; công nghệ thông tin; phát thanh truyền hình; báo chí; xuất bản; thông tin điện tử; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; hạ tầng thông tin.

7. Phòng Giáo dục và Đào tạo: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Chương trình và nội dung giáo dục và đào tạo; tiêu chuẩn nhà giáo và tiêu chuẩn cán bộ quản lý giáo dục; tiêu chuẩn cơ sở vật chất, thiết bị trường học và đồ chơi trẻ em; quy chế thi cử và cấp văn bằng, chứng chỉ; bảo đảm chất lượng giáo dục và đào tạo.

8. Thanh tra huyện: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp huyện; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật; tiếp công dân.

9. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện: Thực hiện chức năng tham mưu tổng hợp cho Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân về: Hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân về chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân; kiểm soát thủ tục hành chính; cung cấp thông tin phục vụ quản lý và hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các cơ quan nhà nước ở địa phương; bảo đảm cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; trực tiếp quản lý và chỉ đạo hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện; hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ chức trên tất cả các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện, chuyển hồ sơ đến các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết và nhận kết quả để trả cho cá nhân, tổ chức.

Đối với đơn vị hành chính cấp huyện có đường biên giới lãnh thổ quốc gia trên đất liền, trên biển và hải đảo, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác ngoại vụ, biên giới.

10. Phòng Dân tộc: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

11. Phòng Y tế: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; y dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số - kế hoạch hóa gia đình.

12. Phòng Kinh tế:

a) Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Phòng, chống thiên tai; tiểu thủ công nghiệp; khoa học và công nghệ; công nghiệp; thương mại;

b) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông thôn; phòng, chống thiên tai; chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản, muối; tiểu thủ công nghiệp; khoa học và công nghệ; công nghiệp; thương mại.

13. Phòng Quản lý đô thị: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Quy hoạch xây dựng, kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao (bao gồm: Cấp nước, thoát nước đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng; chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị; quản lý nghĩa trang, trừ nghĩa trang liệt sĩ; quản lý xây dựng ngầm đô thị; quản lý sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị); nhà ở; công sở; vật liệu xây dựng; giao thông.

14. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông thôn; phòng, chống thiên tai; chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản,

muối; phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn;

15. Phòng Kinh tế và Hạ tầng: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Công nghiệp; tiểu thủ công nghiệp; thương mại; quy hoạch xây dựng, kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao (bao gồm: cấp nước, thoát nước đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng; chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị; quản lý nghĩa trang, trừ nghĩa trang liệt sĩ; quản lý xây dựng ngầm đô thị; quản lý sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị); nhà ở; công sở; vật liệu xây dựng; giao thông; khoa học và công nghệ.

Điều 8. Các phòng được tổ chức thống nhất, thực hiện hợp nhất, sáp nhập và thành lập theo tiêu chí

Căn cứ quy định tại Điều 7 Nghị định này và hướng dẫn của Bộ quản lý về ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định việc thành lập, hợp nhất, sáp nhập hoặc không thành lập tổ chức các phòng theo quy định sau:

1. Các phòng được tổ chức thống nhất ở các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương, gồm:

a) Phòng Giáo dục và Đào tạo;

b) Phòng Tài chính – Kế hoạch;

c) Phòng Tài nguyên và Môi trường;

d) Phòng Tư pháp;

đ) Phòng Văn hóa và Thông tin;

2. Các phòng do Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định việc giữ ổn định hoặc hợp nhất, gồm:

a) Phòng Nội vụ;

b) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội;

c) Trường hợp hợp nhất Phòng Nội vụ với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thì có tên gọi là Phòng Nội vụ, Lao động và Xã hội; tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của 02 phòng đang thực hiện theo quy định.

3. Các phòng do Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định việc giữ ổn định hoặc sáp nhập, thành lập hoặc không thành lập để phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương, gồm:

a) Phòng Y tế: Trường hợp không thành lập thì giao Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về y tế.

b) Phòng Dân tộc được thành lập khi có 01 trong 02 tiêu chí sau:

- Có ít nhất 5.000 (năm nghìn) người dân tộc thiểu số đang cần Nhà nước tập trung giúp đỡ, hỗ trợ phát triển;

- Có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở địa bàn xung yếu về an ninh, quốc phòng; địa bàn xen canh, xen cư; biên giới có đông đồng bào dân tộc thiểu số nước ta và nước láng giềng thường xuyên qua lại.

Trường hợp chưa đủ tiêu chí để thành lập Phòng Dân tộc hoặc đáp ứng đủ tiêu chí nhưng không thành lập Phòng Dân tộc thì giao Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

4. Các phòng được tổ chức ở các quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương, gồm:

a) Phòng Kinh tế;

b) Phòng Quản lý đô thị.

5. Các phòng được tổ chức ở các huyện, gồm:

a) Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

Riêng đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có tốc độ đô thị hóa cao, có tỷ trọng nông nghiệp thấp, không thành lập Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì 02 phòng quy định tại Khoản này được tổ chức thống nhất theo quy định tại Khoản 4 Điều này.

Trường hợp ở cấp tỉnh vẫn có Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhưng tại các huyện trong tỉnh có tốc độ đô thị hóa cao, có tỷ trọng nông nghiệp thấp, Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định việc thành lập hoặc không thành lập Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trường hợp không thành lập Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì giao Phòng Kinh tế và Hạ tầng thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

6. Các phòng được tổ chức ở các huyện đảo

a) Căn cứ vào các điều kiện cụ thể của từng huyện đảo, Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định số lượng và tên gọi các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện đảo.

b) Số lượng cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân huyện đảo không quá 10 phòng. Riêng đối với huyện đảo Phú Quốc tỉnh Kiên Giang được tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về việc tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang cho đến khi Luật đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt được thông qua và có hiệu lực thi hành.

7. Các phòng được giữ ổn định hoặc thí điểm hợp nhất

a) Thanh tra huyện, trường hợp địa phương thực hiện thí điểm hợp nhất với Ủy ban Kiểm tra huyện ủy (quận ủy, thị ủy, thành ủy) theo Nghị quyết 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 18-NQ/TW) thì có tên gọi là Kiểm tra, Thanh tra huyện, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức nêu trên theo quy định của Đảng và của pháp luật.

b) Phòng Nội vụ, trường hợp địa phương thực hiện thí điểm hợp nhất với Ban Tổ chức huyện ủy (quận ủy, thị ủy, thành ủy) theo Nghị quyết 18-NQ/TW thì có tên gọi là Phòng Tổ chức - Nội vụ, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức nêu trên theo quy định của Đảng và của pháp luật.

Đối với địa phương thành lập Phòng Nội vụ, Lao động và Xã hội theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 8 thực hiện thí điểm hợp nhất với Ban Tổ chức huyện ủy (quận ủy, thị ủy, thành ủy) thì có tên gọi là Phòng Tổ chức, Nội vụ, Lao động và Xã hội, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức nêu trên theo quy định của Đảng và của pháp luật.

c) Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện, trường hợp địa phương thực hiện hợp nhất Văn phòng cấp uỷ theo Nghị quyết 18-NQ/TW thì có tên gọi là Văn phòng Đảng, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức nêu trên theo quy định của Đảng và của pháp luật.

Điều 9. Khung số lượng các phòng

Phương án 1:

1. Việc thành lập, hợp nhất, sáp nhập hoặc không thành lập, thí điểm hợp nhất các phòng theo quy định tại Điều này bảo đảm không vượt quá số lượng phòng hiện có và phù hợp với khung số lượng phòng như sau:

a) Không quá 12 phòng đối với đơn vị hành chính cấp huyện loại I;

b) Không quá 11 phòng đối với đơn vị hành chính cấp huyện loại II;

c) Không quá 10 phòng đối với đơn vị hành chính cấp huyện loại III và các huyện đảo.

Phương án 2:

1. Việc thành lập, hợp nhất, sáp nhập hoặc không thành lập các phòng theo quy định tại Điều này bảo đảm tổng số lượng phòng sau khi sắp xếp không vượt quá số lượng phòng hiện có tại thời điểm tổ chức thực hiện Nghị định này

Trong 02 phương án về khung số lượng phòng chuyên môn nêu trên, Bộ Nội vụ đề xuất chọn phương án 1.

2. Trường hợp hợp nhất, sáp nhập các phòng chuyên môn để tinh gọn tổ chức bộ máy, điều chỉnh chức năng giữa các phòng chuyên môn khác với quy định tại Nghị định này thì Ủy ban nhân cấp tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Chương III

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

Điều 10. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện của các chức danh lãnh đạo, quản lý phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện phù hợp với hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

2. Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện tổ chức các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Báo cáo Bộ Nội vụ để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định *hợp nhất, sáp nhập các phòng chuyên môn để tinh gọn tổ chức bộ máy, điều chỉnh chức năng* giữa các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện khác với quy định tại Nghị định này.

Điều 11. Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Căn cứ quy định tại Nghị định này, Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định việc thành lập, hợp nhất, sáp nhập hoặc không thành lập các phòng phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước ở địa phương, bảo đảm không vượt số lượng phòng theo quy định tại Khoản 7 Điều 8 Nghị định này.

2. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của phòng và số lượng Phó Trưởng phòng theo quy định tại Nghị định này, hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Quyết định phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, tổ chức khác thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Đối với những địa phương đang thực hiện thí điểm Trung tâm hành chính công trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì tiếp tục thực hiện theo mô hình thí điểm này trong thời hạn quy định.

Điều 12. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Bổ nhiệm Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng theo quy định của pháp luật.

2. Hàng năm, báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của phòng với Hội đồng nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2018, thay thế Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại Nghị định này trước tháng ..... năm 2018.

3. Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi thẩm quyền được giao. Trường hợp làm trái với quy định tại Nghị định này sẽ bị xem xét xử lý trách nhiệm *theo quy định của pháp luật*; đưa vào xem xét phân loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm và tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo các hình thức kỷ luật đối với cán bộ, công chức theo quy định.

4. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện được bổ sung chức năng tham mưu, quản lý nhà nước về dân tộc, y tế theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 của Nghị định này có trách nhiệm tiếp tục thực hiện chức năng,

nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng trước sáp nhập theo quy định của Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành.

5. Trường hợp sắp xếp tổ chức làm tăng số lượng cấp phó của người đứng đầu phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện so với quy định tại Nghị định này thì trong thời hạn 03 năm Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm sắp xếp, bố trí để giảm số lượng cấp phó, bảo đảm phù hợp với quy định tại Nghị định này; chỉ được bổ sung khi số lượng cấp phó thấp hơn quy định tại Nghị định này.

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3b).